

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA “CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT”**

**(Trại chăn nuôi heo quy mô 49.607 con/năm và sản xuất thức ăn gia súc
15.610 tấn/năm)**

Địa điểm: Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

Bình Dương, tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA “CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT”**

**(Trại chăn nuôi heo quy mô 49.607 con/năm và sản xuất thức ăn gia súc
15.610 tấn/năm)**

Địa điểm: Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

CHỦ ĐẦU TƯ:

**CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN
ĐÀI VIỆT**



YANG YU CHENG

Bình Dương, tháng năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG.....	v
DANH MỤC HÌNH VẼ	vi
Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	1
1.1. Tên chủ cơ sở:.....	1
1.2. Tên cơ sở:.....	1
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	3
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: Chăn nuôi heo với quy mô 49.607 con/năm và sản xuất thức ăn gia súc (cám) công suất 15.610 tấn/năm.	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	3
1.3.3. Sản phẩm của dự án:	5
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Công ty:	5
1.4.1. Nguyên vật liệu sản xuất:.....	5
1.4.2. Nhiên liệu và điện năng:	5
1.4.3. Hóa chất:	6
1.4.5. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước:	6
1.4.6. Lưu lượng xả thải của Công ty:	8
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	9
1.5.1. Thông tin về tình hình đầu tư xây dựng các hạng mục công trình tính đến thời điểm xin cấp phép môi trường:	9
1.5.2. Nhu cầu sử dụng lao động và thời gian làm việc của Công ty:	9
Chương II.....	10

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 10

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có): 10

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải:..... 10

Chương III 12

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY 12

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:..... 12

3.1.1. Thu gom và thoát nước mưa: 12

3.1.2. Thu gom và thoát nước thải: 12

3.1.3. Xử lý nước thải: 14

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: 19

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: 21

3.4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: 21

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: 22

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: 22

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố HTXL nước thải..... 22

3.6.3. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất: 25

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: 29

3.8. Các nội dung thay đổi so với nội dung đã nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường:..... 29

Chương IV 31

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 31

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:..... 31

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	32
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	32
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:	33
<i>4.4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh.....</i>	<i>33</i>
<i>4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:</i>	<i>34</i>
Chương V	35
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY	35
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:	35
5.2. Kết quả quan trắc tự động đối với nước thải:.....	36
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải:	36
Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY	38
6.1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật:.....	38
6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:	38
6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục nước thải:.....	38
6.1.3. Quan trắc môi trường khác:	38
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:.....	38
CHƯƠNG VII	39
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	40
8.1. Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường.....	40
8.2. Cam kết thực hiện tuân thủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn môi trường	40
PHỤ LỤC.....	42

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATLD	:	An toàn lao động
BCT	:	Bộ Công Thương
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
CTRCN	:	Chất thải rắn công nghiệp
CTRCNTT	:	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
GPXD	:	Giấy phép xây dựng
KPH	:	Không phát hiện
LOQ	:	Giới hạn định lượng của phương pháp
MDL	:	Giới hạn phát hiện của phương pháp
NĐ-CP	:	Nghị định Chính phủ
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	:	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
SS	:	Chất rắn lơ lửng
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Nguyên liệu chính sử dụng cho công ty	5
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại công ty	5
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại công ty	6
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước	6
Bảng 1. 5. Các hạng mục công trình đã được đầu tư tại Công ty	9
Bảng 3.1. Kích thước hạng mục công trình của HTXLNT (công suất 2.000m ³ /ngày)	17
Bảng 3.2. Danh mục hệ thống thiết bị quan trắc tự động	18
Bảng 3. 4. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát	21
Bảng 3.5. Phương án phòng ngừa sự cố HTXL nước thải	23
Bảng 3. 6. Kích bản sự cố của HTXL nước thải và phương án ứng phó	23
Bảng 3. 9. Bảng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thay đổi so với Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường	29
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải	32
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2019	35
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2018	35
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải tại lò tiêu hủy heo chết năm 2019	36
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải tại lò tiêu hủy heo chết năm 2018	37

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Quy trình công nghệ chăn nuôi lợn	4
Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất giấy vàng mã màu vàng	4
Hình 1. 5. Sơ đồ cân bằng nước khi hoạt động tối đa công suất	8
Hình 1. 3. Quy trình hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi tại Công ty	13
Hình 3. 1. Hình ảnh hệ thống thu gom nước thải	13
Hình 3. 2. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Công ty	14
Hình 3. 3. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải	17
Hình 3. 4. Hình ảnh lò tiêu hủy heo chết tại Công ty	20
Hình 3. 6. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	27

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1.1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT
- Địa chỉ văn phòng: Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Tên người đại diện pháp luật: Ông Chen, Ping-Chang, chức vụ: tổng Giám đốc
 - + Sinh ngày: 05/01/1969, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan);
 - + Hộ chiếu nước ngoài số: 350992744, ngày cấp 30/08/2018, nơi cấp: Bộ ngoại giao Đài Loan.
 - + Nơi thường trú: No. 122, Longshan Rd., Meinong Dist., Kaohsiung City, Taiwan, Trung Quốc.
 - + Chỗ ở hiện nay: Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274.3590229 Email: ctytnhnhnongsandaiviet@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 3700231128 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 26/6/2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 16/8/2022.
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 6541454364 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 26/06/2008 và thay đổi lần thứ 8 ngày 14/6/2023 cho Công ty TNHH Nông sản Đài Việt.

1.2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: “Công ty TNHH Nông sản Đài Việt (trang trại chăn nuôi và nhà máy sản xuất thức ăn gia súc”.
- Địa điểm cơ sở: Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường:
 - + Công văn số 14/1999.CV.PCCC ngày 02/02/1999 của Công an Bình Dương về việc nhất trí với thẩm định thiết kế PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC công an tỉnh Bình Dương thẩm định.
 - + Biên bản số 115/BB-XD ngày 02/03/2020 của Sở xây dựng tỉnh Bình Dương nghiệm thu xây dựng công trình.

+ Văn bản số 118/CV-XD ngày 06/03/2000 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về kiểm tra xây dựng các hạng mục công trình.

+ Nghiệm thu PCCC số 241/PCCC&CNCH ngày 12/10/2010 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH của Công an tỉnh Bình Dương về việc nghiệm thu PCCC (nghiệm thu hệ thống cấp nước PCCC cho khu nhà xưởng chế biến thức ăn gia súc).

+ Quyết định số 711/QĐ-CT ngày 27/2/1999 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình trại chăn nuôi heo Công ty TNHH Nông sản Đài Việt (giai đoạn 3) hạng mục trạm chế biến thức ăn cho heo.

+ Giấy phép xây dựng số 1676/GPXD-SXD ngày 15/6/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương (xây dựng chuồng nuôi heo và các hạng mục công trình khác).

+ Quyết định số 1987/QĐ-UB ngày 25/8/1998 của UBND tỉnh Bình Dương về việc báo cáo thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình trại chăn nuôi heo giai đoạn 2 (chuồng trại, phòng cân, phòng thay quần áo, phòng thú y, phòng quản lý, tháp nước, bể nước).

+ Thẩm duyệt PCCC số 334/TD-PCCC ngày 07/9/2010 của Công an tỉnh Bình Dương về việc thẩm duyệt PCCC (hạng mục cấp nước chữa cháy).

– Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 10/QĐ-UB ngày 27/5/1998 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Công ty TNHH Nông sản Đài Việt.

– Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 98/GP-UBND ngày 15/11/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc xả nước thải vào nguồn nước (giấy phép có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 15/11/2022).

– Quy mô của cơ sở: Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 449.075.000.000 VNĐ nên thuộc nhóm A theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

– Cơ sở chăn nuôi heo nên theo cột 3 phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì công ty thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ ***có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn***, có tiêu chí về môi trường tương đương với ***dự án nhóm I***.

Tuy nhiên, Công ty TNHH Nông sản Đài Việt đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 10/QĐ-UB ngày 27/5/1998 nên tuân thủ theo đúng quy định tại Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QĐ14 ngày 17/11/2020, Công ty tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép

môi trường nộp Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để được xem xét, thẩm định và cấp phép.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của công ty được lập theo mẫu của **Phụ lục X** ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

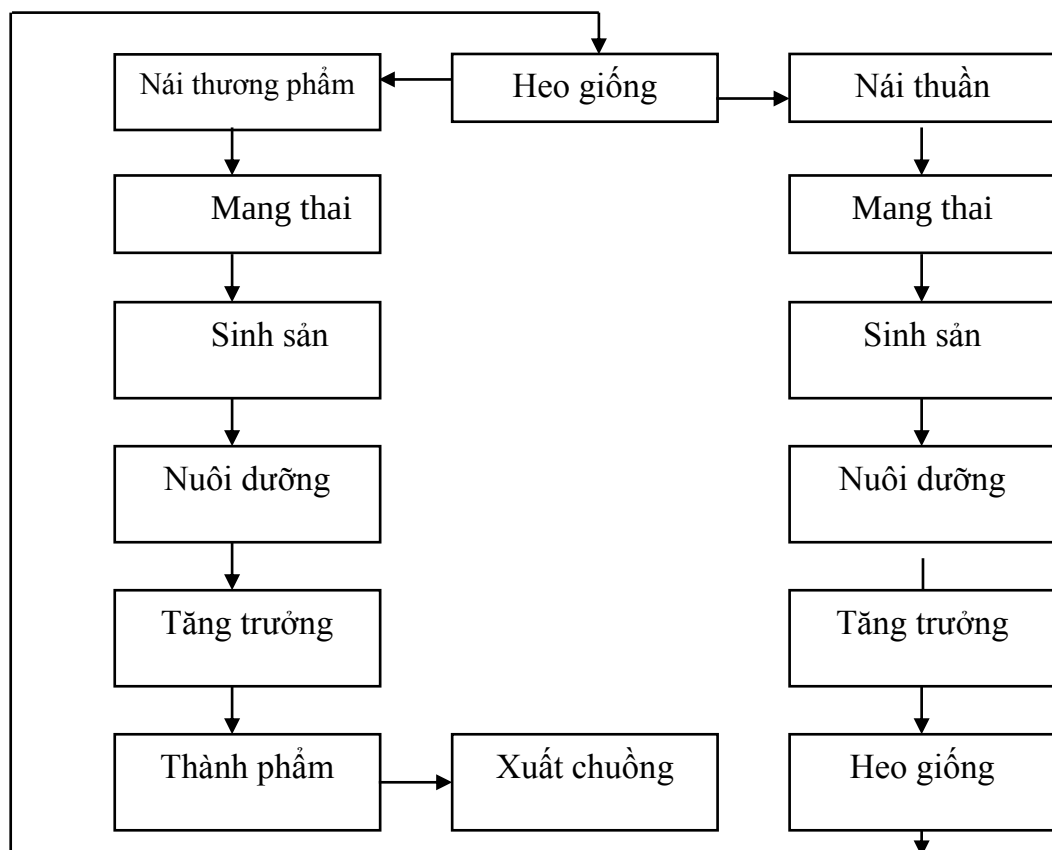
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: Chăn nuôi heo với quy mô 49.607 con/năm và sản xuất thức ăn gia súc (cám) công suất 15.610 tấn/năm.

(Theo chứng nhận đầu tư 6541454364 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 26/06/2008 và thay đổi lần thứ 8 ngày 14/6/2023 thì quy mô công ty gồm có lợn giống + lợn thịt 60.000 con/năm và thức ăn gia súc 110.000 tấn/năm. Nhưng công ty không xin hết công suất trong chứng nhận đầu tư, theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 10/QĐ-UB ngày 27/5/1998 thì quy mô được xin phép là 49.607 con lợn/năm và sản xuất thức ăn gia súc (cám) 15.610 tấn/năm).

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Tại công ty có 2 quy trình công nghệ sản xuất bao gồm quy trình công nghệ chăn nuôi lợn và quy trình công nghệ sản xuất cám.

a. Quy trình chăn nuôi lợn như sau:



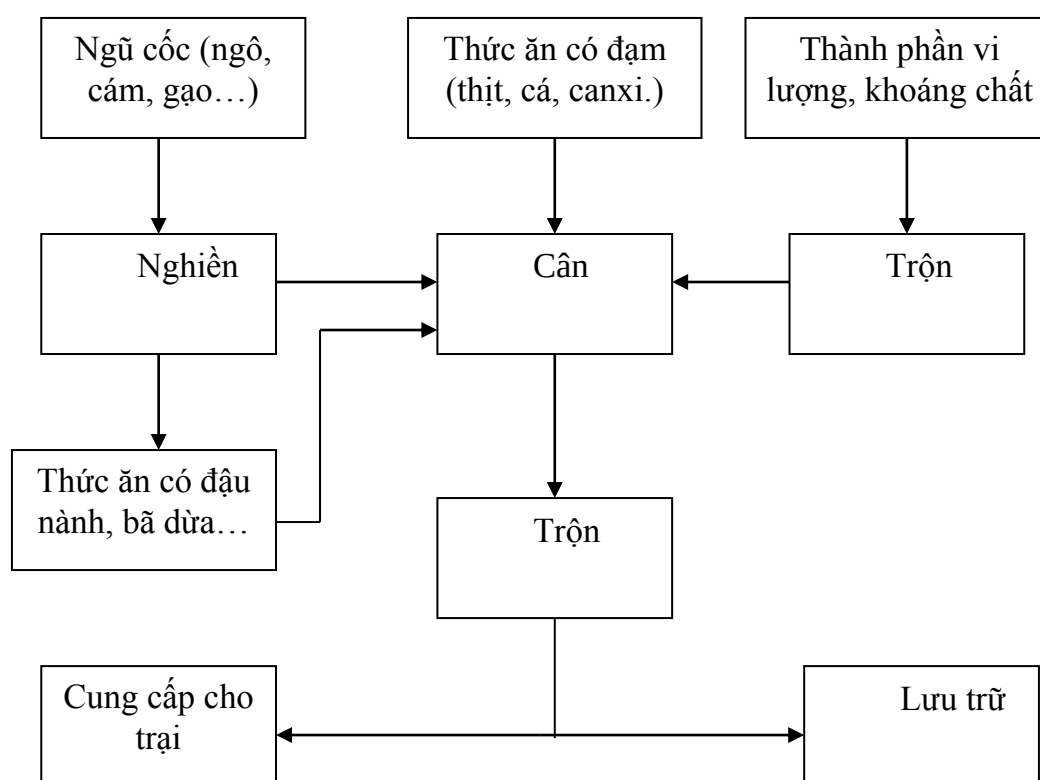
Hình 1. 1. Quy trình công nghệ chăn nuôi lợn

Thuyết minh quy trình chăn nuôi:

Heo giống tại Công ty được chia làm 2 loại. Heo thuần chuẩn nuôi lấy giống và heo thương phẩm nuôi lấy thịt. Nái thuần chuẩn qua quá trình mang thai, sinh sản tạo ra heo con được công ty nuôi dưỡng phát triển thành heo giống. Từ heo giống, công ty chọn, phân loại thành nái thuần chuẩn và nái thương phẩm. Đối với nái thương phẩm, quy trình chăn nuôi cũng tương tự như chăn nuôi nái thuần chuẩn nhưng sau quá trình chăn nuôi, heo phát triển, đủ trọng lượng sẽ bán cho cơ sở giết mổ.

Trong quá trình chăn nuôi, heo giống già, khả năng sinh sản kém chất lượng thì bán cho cơ sở giết mổ và chọn những heo giống tốt làm giống để khả năng sinh sản đạt cao.

b. Quy trình sản xuất thức ăn gia súc:



Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất giấy vàng mã màu vàng

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Để phục vụ cho quá trình chăn nuôi đảm bảo an toàn và mang lại hiệu quả kinh tế cao, công ty đã đầu tư quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi tại công ty. Quy trình sản xuất thức ăn (cám lợn) là:

Các loại ngũ cốc (ngô, gạo, cám, đậu,... mua trong nước) sau khi nghiền và thức ăn có đạm (thịt, cá, canxi,...), vi lượng, khoáng chất được cân định lượng theo tỷ lệ sau đó

phối trộn thành sản phẩm. Một phần sản phẩm cung cấp trực tiếp hàng ngày cho heo ăn, một phần lưu giữ dự trữ trong các silo để cung cấp dần cho quá trình chăn nuôi.

Hình ảnh của Công ty:



1.3.3. Sản phẩm của dự án:

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng	
			Hiện nay	ổn định
1	Heo thịt	Con/năm	50 lợn con (mới tái đàn, sau thời gian nghỉ do dịch tả)	44.409
2	Heo giống	Con/năm		5.198
	Tổng đàn heo	Con/năm		49.607
3	Cám	Tấn/năm	Mua từ bên ngoài	15.610

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Công ty:

1.4.1. Nguyên vật liệu sản xuất:

Bảng 1. 1. Nguyên liệu chính sử dụng cho công ty

STT	Nguyên liệu thô/ hóa chất	Đơn vị	Lượng sử dụng bình quân/năm
01	Ngũ cốc (ngô, đậu, cám...)	Tấn	5.000
02	Thức ăn có đạm, mỡ (mỡ cá, caxi...)	Tấn	1.500
03	Thành phần vi lượng	Tấn	980
04	Thuốc thú y các loại	Lít	450

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

1.4.2. Nhiên liệu và điện năng:

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại công ty

STT	Tên nhiên liệu	Số lượng/ quý	Đơn vị	Mục đích sử dụng
01	Dầu DO	3.000-5.000	Lít	Chạy xe nâng, tiêu huỷ heo

				chết, máy phát điện dự phòng
--	--	--	--	------------------------------

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

1.4.3. Hóa chất:

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại công ty

Stt	Tên	Công đoạn sử dụng	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ	
				Hiện nay	Tối đa
1	Clorine	Xử lý nước thải	Kg/năm	10	492
	Tổng cộng		Kg/năm	10	492

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

1.4.5. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước:

a. Nguồn cung cấp nước:

Nguồn nước sử dụng tại công ty được khai thác từ giếng khoan. Công ty có tổng cộng 7 giếng khoan trong đó 6 giếng khai thác và 1 giếng quan trắc. Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất số 80/GP-STNMT ngày 19/6/2023 với lưu lượng 950 m³/ngày đêm và thời hạn khai thác đến tháng 6/2026.

Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, tưới cây xanh và chăn nuôi.

b. Nhu cầu sử dụng nước:

Dựa vào số liệu hoạt động hiện nay của Công ty, cho thấy tổng lượng nước sử dụng hiện tại khoảng 58-62,5 m³/ngày (ứng với công suất sản phẩm 480 tấn/năm) và thời điểm lớn nhất khoảng 74,5-79 m³/ngày (ứng với công suất 620 tấn SP/năm). Trong đó bao gồm:

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước

Stt	Hạng mục sử dụng	Lưu lượng sử dụng (m ³ /ngày)		Định mức sử dụng	Quy mô tối đa
		Hiện nay	Tối đa		
1	Nước cấp chăn nuôi lợn	1,25	893	15 lít/con/ngày	49.607 con/năm (trung bình 12.402 con/ngày)
2	Nước sinh hoạt	0,27	4,5	45 lít/người	100 người
		0,15	0,6	150 lít/người (ở lại trong công ty)	4 người
3	Nước tưới cây, PCCC và vệ sinh đường nội bộ sân bãi	2,5	12	-	-
	Tổng cộng	4,04	910		

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

Nhu cầu sử dụng nước của Công ty được giải trình cụ thể như sau:

b.1) Nước cấp cho chăn nuôi:

❖ Giai đoạn hiện nay:

Công ty tạm ngưng hoạt động từ tháng 10/2020 đến nay và mới bắt đầu tái đàn lại từ 10/10/2023. Do mới tái đàn hơn nửa tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên công ty chỉ nuôi 50 con.

Định mức sử dụng nước đối với heo từ nhỏ đến lớn khoảng 25-60 lít/con (bao gồm nước uống và nước vệ sinh chuồng).

Như vậy, với số lượng heo con hiện nay là 50 con thì lượng nước sử dụng khoảng $1,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

❖ **Giai đoạn ổn định:**

Khi ổn định, quy mô tối đa khoảng 49.607 con/năm. Trung bình 1 năm nuôi được 4 lứa, vậy 1 lứa khoảng 12.402 con (có nghĩa là 1 ngày tối đa có khoảng 12.402 con). Với định mức sử dụng nước từ 25-60 lít/con thì lượng nước sử dụng từ 310-744 $\text{m}^3/\text{ngày}$.

b.2) Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân tại Công ty:

❖ **Giai đoạn hiện nay:**

Công ty có 6 người lao động, định mức sử dụng nước khoảng 45 lít/người/ngày => Lượng nước sử dụng khoảng $0,27 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Ngoài công nhân, công ty có khu nhà ở cho chuyên gia, hiện nay có 1 người ở lại với định mức nước sử dụng nước 150 lít/người/ngày => lượng nước sử dụng $0,15 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

❖ **Giai đoạn ổn định:**

Giai đoạn ổn định, Công ty dự kiến có 100 công nhân. Định mức sử dụng 45 lít/người/ngày thì nhu cầu sử dụng nước cho công nhân là $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Ngoài ra, Công ty có nhà ở cho chuyên gia, với số lượng người ở khoảng 4 người, định mức sử dụng nước của 1 người ở tại công ty khoảng 150 lít/người/ngày thì lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt khoảng $150 \times 4 / 1000 = 0,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

b.3) Nước sử dụng PCCC:

Do hệ thống xử lý nước thải sát bên nhà xưởng sản xuất, hệ thống xử lý nước thải có 03 hồ chứa nước từ sông Bé bơm lên và chứa nước thải sau xử lý tái sử dụng cho sản xuất nên 03 hồ chứa này cũng nhằm mục đích dự phòng khi có sự cố cháy xảy ra. Tại Công ty không trang bị hồ chứa nước phục vụ riêng cho mục đích PCCC.

b.4) Nước sử dụng tưới cây xanh:

Nước sử dụng tưới cây xanh, sân bãi, đường giao thông ước tính khoảng $0-12 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (tùy vào thời tiết, nếu mùa mưa thì không sử dụng, mùa nắng tưới cây ăn quả, đường giao thông nội bộ,...).

Nước sử dụng cho PCCC không được bơm thường xuyên, chỉ bơm khi hồ nước bị vơi dần do sự bay hơi.

1.4.6. Lưu lượng xả thải của Công ty:

Bảng 1. Nhu cầu xả nước thải của Công ty

Stt	Hạng mục sử dụng	Lưu lượng xả thải (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Hiện nay	Lớn nhất	
1	Nước thải từ quá trình chăn nuôi	1,25	893	Nước thải tạm tính 100% nước cấp sử dụng
2	Nước sinh hoạt	0,52	5,1	
Tổng cộng		1,77	~ 898	

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

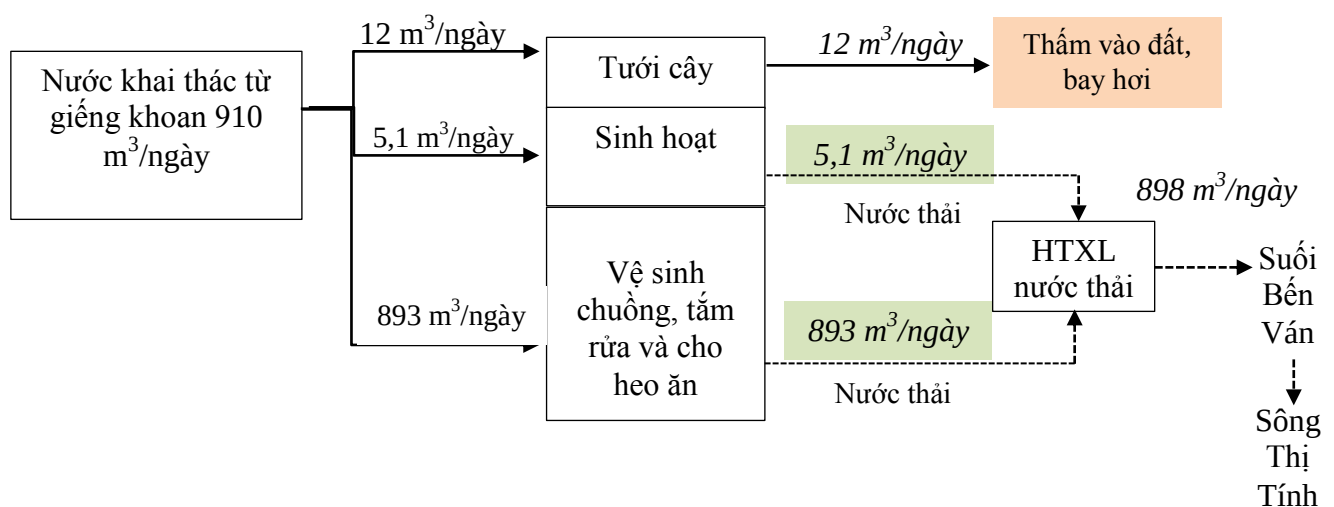
Nhu cầu xả nước thải được giải trình như sau:

a) Nước thải chăn nuôi:

Đặc thù của ngành chăn nuôi thì nước thải từ các trang trại gồm có nước rửa chuồng và nước tiểu của heo. Do đó, lượng nước thải tạm tính bằng 100% nước cấp sử dụng, theo đó lượng nước thải chăn nuôi hiện nay là 1,25 m³/ngày và tối đa xin cấp phép là 893 m³/ngày.

b) Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý qua hầm tự hoại ba ngăn sau đó dẫn về HTXL nước thải tập trung của Công ty. Theo quy chuẩn 01:2021/BXD thì lưu lượng nước thải tối đa bằng 100% lượng nước cấp sử dụng. Do vậy nước thải sinh hoạt hiện nay là 0,52 m³/ngày và tối đa xin cấp phép là 5,1 m³/ngày.



Hình 1. 3. Sơ đồ cân bằng nước khi hoạt động tối đa công suất

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Thông tin về tình hình đầu tư xây dựng các hạng mục công trình tính đến thời điểm xin cấp phép môi trường:

Các hạng mục công trình chính được xây dựng đến thời điểm hiện nay như sau:

Bảng 1. 5. Các hạng mục công trình đã được đầu tư tại Công ty

STT	CÁC HẠNG MỤC	Đã xây dựng (m ²)
1	Nhà bảo vệ	12
2	Nhà văn phòng	220
3	Trại chăn nuôi A	687,74
4	Trại chăn nuôi B	1.152
5	Trại chăn nuôi C	1.152
6	Nhà ở chuyên gia	120
7	Nhà nghỉ trưa công nhân	80
8	Nhà sản xuất cám	1.728
9	Silo chứa cám	100
10	Trạm xử lý nước thải	1.500
11	Đường nội bộ và sân bãi	2.000
12	Đất trồng cây ăn quả và đất chưa sử dụng	452.047,36
	Tổng diện tích đất	460.799,1

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

1.5.2. Nhu cầu sử dụng lao động và thời gian làm việc của Công ty:

- Hiện nay số lượng lao động khoảng 3 người, khi hoạt động ổn định dự kiến số lượng lao động nhiều nhất khoảng 20 người.
- Thời gian chăn nuôi 3 lứa/năm, mỗi lứa 3-3,5 tháng, còn lại là thời gian nghỉ sát khuẩn chuồng và tái đàn.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Theo quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Dương thì ngành nghề và vị trí hoạt động của công ty phù hợp với quy hoạch của tỉnh cũng như phân vùng môi trường. Cụ thể như sau:

Vị trí của Công ty tọa lạc tại xã Lai Hưng, nước thải sau xử lý xả ra suối Bến ván → sông Thị Tính thuộc vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, Công ty phải đầu tư các công trình bảo vệ môi trường nhằm xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải:

Theo kết quả khảo sát và đo đạc hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, có thể nhận định sơ bộ về sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án như sau:

(1) *Đối với môi trường không khí:* Theo kết quả đo đạc hiện trạng môi trường không khí khu vực công ty còn rất tốt, nồng độ các chất ô nhiễm thấp hơn quy định, cho thấy môi trường không khí tại khu vực công ty còn đủ khả năng chịu tải, đáp ứng cho việc xả các dòng khí sau xử lý đạt quy chuẩn của công ty ra môi trường.

(2) *Đối với môi trường nước mặt:* Nước thải của dự án phát sinh được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra suối Bến Ván rồi ra sông Thị Tính. Tuy nhiên, suối Bến Ván chỉ là phương tiện dẫn nước thải ra sông Thị Tính, sông Thị Tính là nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng do vậy đối với báo cáo này chúng tôi xem xét sự phù hợp về lưu lượng và chất lượng của sông Thị Tính.

Về chất lượng nước sông Thị Tính:

Theo Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Bình Dương thì không có số liệu đánh giá của sông Thị Tính. Tuy nhiên, theo báo cáo quan trắc nước mặt năm 2022 của Trung tâm quan trắc Kỹ thuật – Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cho thấy: hầu hết các thông số quan trắc đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 08- MT:2015/BTNMT. Riêng có thông số DO thấp hơn quy chuẩn cho phép. Thông số $\text{NH}_4^+ - \text{N}$ vượt chuẩn từ $1,2 \div 10,6$ lần; Thông số Fe vượt chuẩn từ $1,2 \div 2,7$ lần so với

QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Chất lượng nước trên sông Thị Tính và các rạch đổ vào sông Thị Tính có nhiều cải thiện so với năm 2022, chất lượng nước đạt cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.

Tuy nhiên, đối với nước thải chăn nuôi của Công ty thì thành phần ô nhiễm chính vẫn là ô nhiễm hữu cơ có hàm lượng BOD, COD và TSS, hàm lượng nitơ cao nên sông Thị Tính vẫn còn đủ khả năng tiếp nhận nước thải sau xử lý của Công ty.

Về lưu lượng nước sông Thị Tính:

Tham khảo số liệu từ Đề án “Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt. Đề xuất giải pháp quản lý tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Bình Dương”, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương và Viện Quy hoạch và Thủy lợi Miền Nam phối hợp thực hiện năm 2014, cho thấy chế độ dòng chảy tại tuyến cửa ra sông Thị Tính chịu ảnh hưởng của thủy triều biển đông, mạnh nhất là vào mùa kiệt. Lưu lượng lớn nhất khi triều lên là $197 \text{ m}^3/\text{s}$ và khi triều xuống là $232 \text{ m}^3/\text{s}$, trung bình $14 \text{ m}^3/\text{s}$.

Như vậy, sông Thị Tính vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải của Công ty cũng như các nguồn thải khác cùng đổ vào. Đặc biệt trong thời gian xả thải vừa qua cho thấy sông Thị Tính không xảy ra tình trạng quá tải.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

Do diện tích công ty rộng, hạng mục công trình chỉ có nhà chứa cám, khu văn phòng + nhà ở chuyên gia và 3 dãy trại chăn nuôi còn lại là diện tích đất trồng cây xanh, cây ăn quả (nhãn) nên nước mưa chảy tràn trên bề mặt theo địa hình độ dốc tự nhiên.

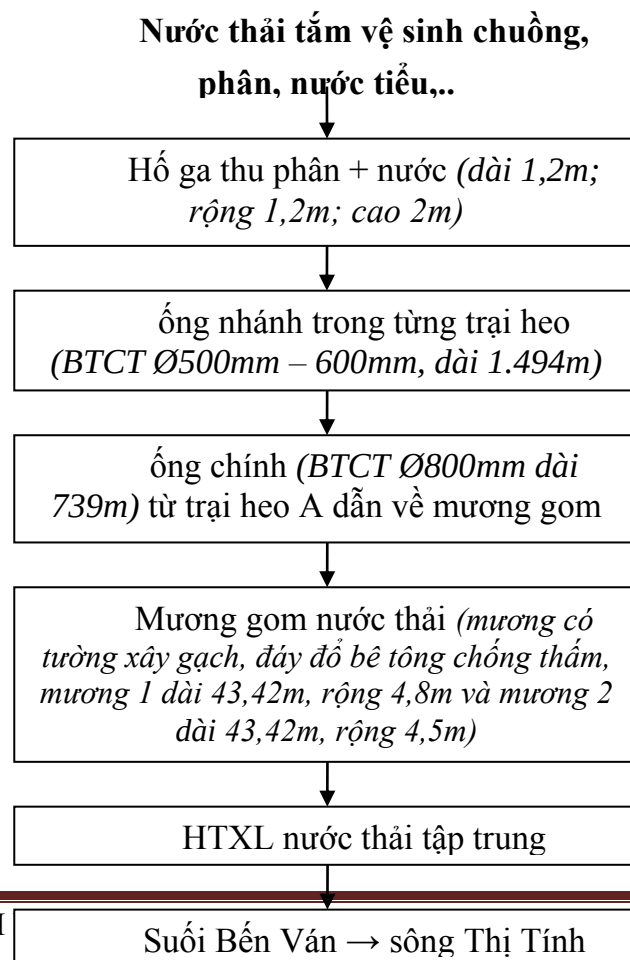
3.1.2. Thu gom và thoát nước thải:

a) Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi:

Nước thải chăn nuôi bao gồm nước tắm vệ sinh chuồng, nước tiểu và phân,... Toàn bộ nước thải được thu gom vào các hố ga BTCT (D1,2m*R1,2m*H2m) sau đó theo đường ống nhánh BTCT Ø 500mm – Ø 600mm từ các trại heo dẫn về đường ống chính BTCT Ø 800mm để đưa về mương tập trung nước thải chuẩn bị cho quá trình xử lý (*mương có tường xây gạch, đáy đổ bê tông chống thấm, mương 1 dài 43,42m rộng 4,8m và mương 2 dài 43,42m, rộng 4,5m*).

Tổng chiều dài đường ống nhánh trong trại heo là 1.494m và đường ống chính Ø800mm từ trại heo A dẫn đến HTXL nước thải tập trung là 739m.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi được tóm tắt trong hình vẽ sau:



Hình 1. 4. Quy trình hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi tại Công ty

b) Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của Công ty phát sinh từ nhà vệ sinh khu văn phòng và khu ký túc xá được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn. Tổng thể tích 03 bể tự hoại trong Công ty hiện nay là 27 m³ (mỗi bể kích thước DxRxC=3x2x1,5m). Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại được dẫn vào trạm XLNT tập trung để xử lý tiếp.

Toàn bộ mặt bằng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải của Công ty được thể hiện trong sơ đồ đính kèm phụ lục báo cáo.



Hình 3. 1. Hình ảnh hệ thống thu gom nước thải

c) Hệ thống thoát nước thải

Nước thải sau hệ thống xử lý, chất lượng đạt quy chuẩn xả thải được bơm vào 6 hồ sinh học. Từ đáy nước thải tự chảy theo đường mương xả ra nguồn tiếp nhận là suối Bến Ván → sông Thị Tính.

Các thông số kỹ thuật của công trình xả thải bao gồm: Mương hở dẫn nước thải sau xử lý (từ hồ sinh học) ra suối Bến Ván dài 44m, rộng 0,7m và cao 0,5m.

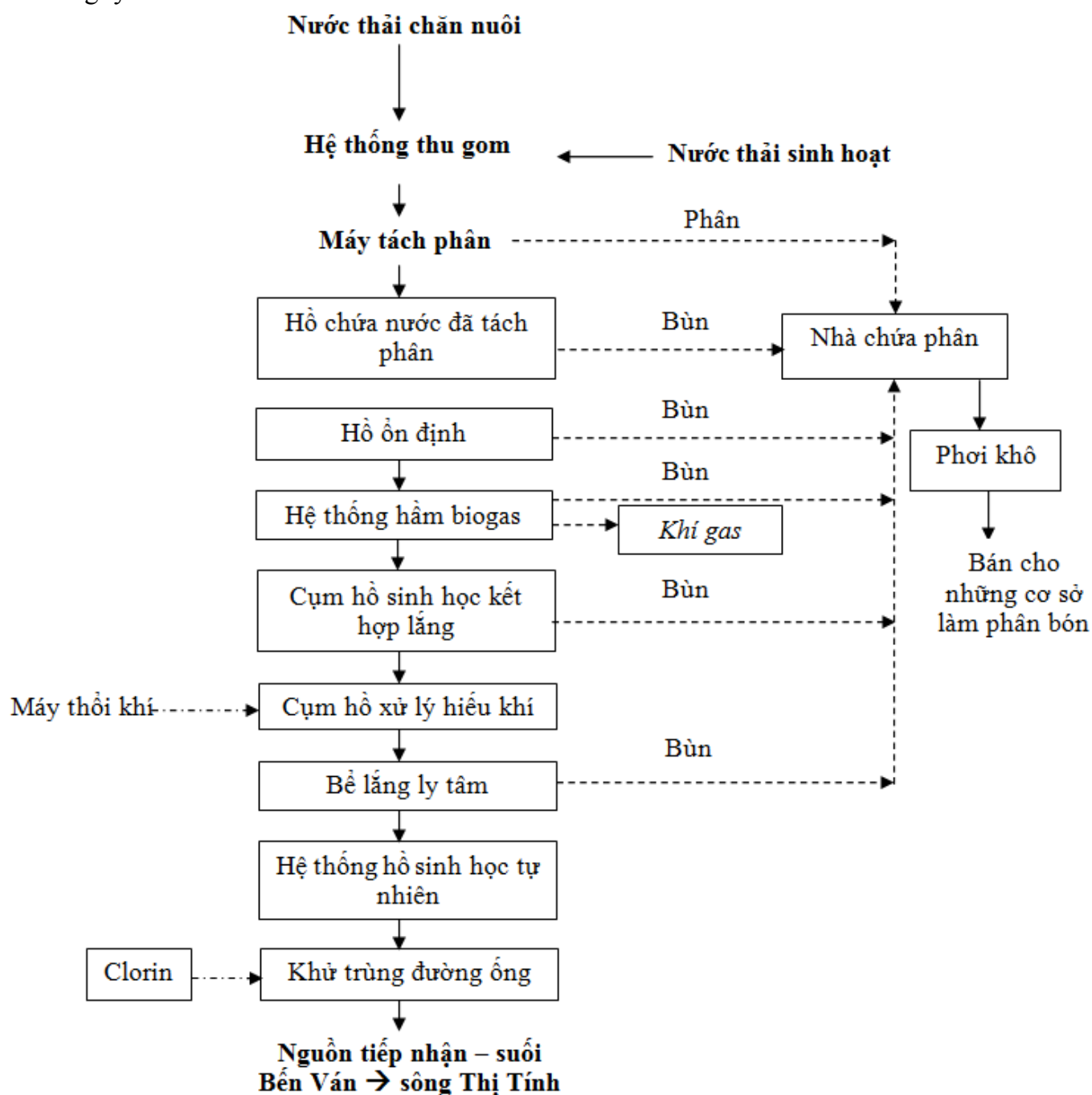
Nước thải sau xử lý trước khi xả ra môi trường được quan trắc bằng máng đo lưu lượng Parshall 3 inches và trạm quan trắc nước thải tự động.

Nước thải sau xử lý xả ra suối Bến Ván tại vị trí có tọa độ: X=12.43.479m; Y=06.74.493m (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

3.1.3. Xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải của Công ty được thiết kế và thi công xây dựng bởi Công ty TNHH Đại Hoàng Kim. Tuy nhiên, HTXL nước thải của Công ty xây dựng từ năm 2009 đến nay quá lâu nên hồ sơ thiết kế, bản vẽ nghiệm thu hoàn công đã bị thất lạc do đó Công ty đã vẽ lại và tự ký tên đóng dấu chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quy trình công nghệ HTXL nước thải **công suất thiết kế 2.000 m³/ngày.đêm** của Công ty như sau:



Hình 3. 2. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Công ty
Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước thải từ các trại chăn nuôi cùng với nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại ba ngăn) được thu gom theo hệ thống đường ống dẫn về mương chứa chuẩn bị đưa qua hệ thống máy tách phân.

Máy tách phân làm nhiệm vụ tách phân riêng ra khỏi nước thải giúp hiệu quả xử lý các công trình phía sau đạt cao hơn. Phân sau khi tách sẽ đưa về nhà chứa phân sau đó phơi khô, làm giảm thể tích và bán cho cơ sở thu mua làm phân bón cho cây trồng. Nước sau khi tách bớt phân heo sẽ được gom về hồ chứa có thể tích 1.217,16 m³. Nước từ hồ chứa sẽ cho tự chảy qua hồ ổn định (hồ điều hòa).

Hồ ổn định có thể tích lớn 1.490m³, với lưu lượng nước thải thời điểm lớn nhất 1.343m³/ngày thì thời gian lưu nước trong hồ ổn định 26,49 giờ. Với thời gian lưu nước tương đối dài sẽ tăng khả năng phân hủy chất ô nhiễm, làm giảm bớt nồng độ trước khi đưa qua các công trình xử lý kế tiếp. Khi qua hồ ổn định, nồng độ chất ô nhiễm BOD giảm 8-10%, SS giảm 10%, tổng N giảm 5-7%, tổng P giảm 6%. Nước trong hồ ổn định sẽ được bơm qua hệ thống hầm xử lý biogas.

Hệ thống xử lý biogas bao gồm 7 hầm xử lý có thể tích tổng cộng 17.940m³. Quá trình phân huỷ chất hữu cơ trong hầm biogas nhờ vào vi sinh vật kỵ khí. Quá trình này được chia làm hai giai đoạn: *Giai đoạn 1*: Các chất hữu cơ cao phân tử được các vi sinh vật kỵ khí phân huỷ thành các chất có trọng lượng thấp hơn: axit hữu cơ, đường, glyxerin,... (gọi chung là các hydrat cacbon). *Giai đoạn 2*: Là giai đoạn phát triển mạnh các loài vi khuẩn metan để chuyển hầu như toàn bộ các hydrat cacbon thành CO₂ và CH₄, N₂, H₂, H₂S, O₂,... Do trong giai đoạn đầu phân heo bị phân huỷ tạo thành các axit hữu cơ nên pH giảm xuống rõ rệt (lên men axit). Sau đó các axit hữu cơ và hợp chất N tiếp tục phân huỷ thành các hợp chất khác nhau và chất khí CO₂, CH₄, N₂, H₂, H₂S, O₂,... (bắt đầu lên men metan). Các vi sinh vật kỵ khí phát triển mạnh còn các vi sinh vật hiếu khí bị tiêu diệt.

Hầm biogas có chức năng xử lý kỵ khí giúp quá trình khử N, COD và BOD,... tốt hơn. Để công trình xử lý biogas đạt hiệu quả thì tỷ lệ bùn duy trì khoảng 1/3 thể tích bể. Dựa vào thể tích hầm biogas, tỷ lệ bùn lưu giữ trong bể và lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày ta ước tính khoảng 3 tháng Công ty mới hút phân 1 lần (do phân được vớt trước khi đưa qua công đoạn xử lý biogas).

Hiện tại các khí sinh ra trong quá trình xử lý biogas được phát tán trực tiếp ra môi trường, trong thời gian tới Công ty sẽ có biện pháp cụ thể để thu hồi khí biogas phục vụ

cho quá trình đốt thiêu hủy heo chết, nhằm bảo vệ môi trường giảm hiện tượng hiệu ứng nhà kính. Sau khi qua công đoạn xử lý biogas, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải giảm xuống như sau: TSS giảm 50%, COD giảm 60-70%, BOD giảm 65-80%, tổng N giảm 70-80% và tổng P giảm 60-75 %,... Nước thải sau công đoạn xử lý biogas sẽ được dẫn về hồ sinh học kết hợp với lắng.

Tại công đoạn xử lý sinh học tự nhiên kết hợp lắng, nước thải lần lượt chảy qua 6 hồ sinh học kết hợp với lắng, tổng thể tích 6 hồ 11.732,76m³. Với kiểu thiết kế có tám hướng dòng tạo hướng nước chảy zích zắc nên tăng quãng đường nước đi -> tăng thời gian lưu nước dẫn đến hiệu quả phân hủy chất ô nhiễm nhiều và khả năng lắng cặn tốt. Nước thải sau khi xử lý qua công đoạn sinh học tự nhiên kết hợp lắng thì nồng độ BOD giảm 70-75%, COD giảm 60-70% và SS giảm 65-70%, tổng N giảm 15-20%, tổng P giảm 10-20%. Sau công đoạn xử lý này nước thải sẽ chảy qua hồ xử lý hiếu khí.

Cụm hồ xử lý hiếu khí gồm 4 bể thông đáy nhau, với tổng thể tích 5.936,76m³. Trong quá trình xử lý hiếu khí, 2 máy thổi khí công suất 60Hp hoạt động liên tục nhằm cung cấp oxy cho các vi sinh vật hiếu khí hoạt động. Sinh vật hiếu khí sẽ phân hủy chất hữu cơ tạo ra sinh khối bùn và chất khí. Những màng vi sinh đã chết sẽ cùng với nước thải ra khỏi bể và được giữ lại ở bể lắng (để đảm bảo vi sinh hoạt động tốt, cần duy trì tỷ lệ BOD : N : P = 100 : 5 : 1). Quá trình xử lý hiếu khí đạt chất lượng tốt thì hiệu quả xử lý có thể đạt như sau: BOD giảm 85-95%, COD giảm 80-90%, SS giảm 60%, tổng N giảm 40-50%, tổng P giảm 45-50%. Nước thải từ hồ xử lý hiếu khí sẽ được bơm qua bể lắng ly tâm.

Bể lắng ly tâm có thể tích 904,32m³, hoạt động theo nguyên tắc nước thải đi vào ống trung tâm phân phối nước ở đáy bể và thu nước ra ở bề mặt bể. Quá trình hoạt động của bể là quá trình liên tục, bùn sinh ra trong quá trình lắng sẽ được xả về bể chứa bùn trong khi đó nước sẽ vẫn được đưa vào bể qua ống phân phối trung tâm. Sau khi qua bể lắng ly tâm hàm lượng SS giảm khoảng 85-95%.

Nước từ bể lắng ly tâm sẽ được bơm qua hệ thống 6 hồ sinh học tự nhiên thả rau muống (tuy nhiên hiện nay công ty cải tạo 4 bể tổng thể tích 554m³ làm hồ chứa nước dự trữ khi có sự cố xảy ra, còn 2 hồ có thể tích 555,22m³ làm hồ sinh học tự nhiên). Tại hồ sinh học tự nhiên, hiệu quả xử lý nước thải như sau: SS giảm 95-98%, BOD giảm 32-40%, COD giảm 30-35%. Nước sau hồ sinh học tự nhiên sẽ được khử trùng bằng đường ống đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường với nguồn tiếp nhận là suối Bến Ván → sông Thị Tính..

(Bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải được đính kèm phụ lục báo cáo)

Bảng 3.1. Kích thước hạng mục công trình của HTXLNT (công suất 2.000m³/ngày)

Stt	Danh mục	Kết cấu	ĐVT	SL	Thể tích	Ghi chú
1	Hồ chứa nước đã tách phân	BTCT	m ³	1	1.217,16	14,7m * 18m * 4,6m
02	Hồ ổn định	BTCT	m ³	1	1.490	18m * 18m * 4,6m
03	Hệ thống hầm biogas	BTCT	m ³	7	17.940	(60m*30m*4,6m) + 7(10m*30m*4,6m)
04	Cụm hồ sinh học kết hợp lắng	BTCT	m ³	6	11.732,76	(28,7m*18m*4,6m) + (25m*18m*4,6m) + 4(22m*18m*4,6m)
05	Cụm hồ xử lý hiếu khí	BTCT	m ³	4	5.936,76	(17,5m*18m*4,6m + (18,2m*18m*4,6m) + 2(18m*18m*4,6m)
06	Bể lắng ly tâm	BTCT	m ³	1	904,32	D = 12m, H = 8m
07	Hồ sinh học tự nhiên	BTCT	m ³	6	1.109,22	3(13,9m*3,8m*1,5m) + 2(15,2m*13,9m*1,5m) + 11,4m*13,9m*1,5m

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)



Hình 3. 3. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải

c) Các loại hóa chất sử dụng và định mức

Đối với nước thải chăn nuôi lợn thì loại hóa chất sử dụng duy nhất chỉ có clorin khử trùng nước thải. Dựa vào số liệu hóa chất sử dụng trong quá trình hoạt động trước đây, Chúng tôi tính toán định mức hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải của Công ty khi hoạt động ổn định khoảng 492 kg/năm (định mức sử dụng clorin khoảng 1 g/m³).

d) Định mức tiêu hao năng lượng

Dựa theo máy móc, thiết bị sử dụng điện phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải, thì ước tính định mức lượng điện tiêu hao để xử lý 1m³ nước thải sẽ khoảng 3,3 kWh.

e) Yêu cầu quy chuẩn nước thải đạt được sau xử lý

Nước thải sau xử lý của Công ty phải đạt quy chuẩn - QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận suối Bến Ván → sông Thị Tính.

f) Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Công ty đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động. Các thiết bị của trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục như sau:

Công ty đã được Trung tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên và Môi trường xác nhận kết nối dữ liệu 220/TTQTKT-TĐ ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Bảng 3.2. Danh mục hệ thống thiết bị quan trắc tự động

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Thiết bị đo lưu lượng	- Kiểu: đo trên mương hở - Phương pháp đo: sử dụng sóng siêu âm tần số 125kHz - Khoảng lưu lượng: 0 – 20.000 m ³ /ngày đêm - Sai số: < 1% - Nguồn cấp: 24VDC/220VAC	bộ	1
2	Thiết bị đo COD	- Phương pháp đo: hấp thụ UV ở bước sóng 200~385 nm, không sử dụng hóa chất. - Dãy đo: 0 – 5.000 mg/l - Độ chính xác: ±3 – 10% tùy dãy đo - Màn hình màu, cảm ứng - Cấp bảo vệ: . sensor: IP68 . bộ hiển thị: IP65 - Ngõ ra analog 4 – 20 mA - Nguồn cấp: 24VDC/230VAC - Sensor gắn trực tiếp xuống nước	bộ	1
3	Sensor đo pH	- Khoảng đo: 0 – 14 pH - Sai số: < ±5% - Thời gian đo: 1 phút/lần	bộ	1
4	Sensor đo TSS	- Phương pháp đo: quang học - Dãy đo: 0 – 1.000 mg/l - Sai số: < ±5% - Thời gian đo: 1 phút/lần	bộ	1
5	Hệ thống kết nối online	Kết nối online các thông số chất lượng nước sau xử lý: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), COD,	bộ	1

		pH, DO, TSS, nhiệt độ, amoni Bao gồm: . Bộ thiết bị xử lý, truyền dữ liệu về trạm trung tâm . Cấp nguồn và cấp tín hiệu . Lập trình và kết nối với trạm trung tâm . Các phụ kiện lắp đặt khác		
--	--	--	--	--

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

Hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục hoạt động ổn định từ ngày lắp đặt. Tuy nhiên, vào tháng 10 năm 2020 do dịch tả lợn châu phi, công ty gặp nhiều khó khăn nên đã tạm ngưng chăn nuôi cho đến tháng 10/2023 mới bắt đầu vệ sinh chuồng trại nuôi trở lại. Do mới tái đàn nên công ty nuôi số lượng ít khoảng 50 lợn con. Vì nước thải ít chưa thể vận hành lại trạm xử lý nước thải cũng như trạm quan trắc nước thải tự động. Công ty cam kết đưa hệ thống xử lý nước thải và trạm quan trắc tự động nước thải đi vào vận hành khi có nước thải phát sinh nhiều đủ tải để chạy hệ thống.

Trong thời gian hoạt động trước năm 2020, Công ty tuân thủ chế độ kiểm định hiệu chuẩn thiết bị.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Trong quá trình hoạt động chăn nuôi và sản xuất cám thì phát sinh nguồn ô nhiễm khí như sau:

- Bụi từ công đoạn sản xuất cám.
- Khí từ công đoạn đốt tiêu hủy heo chết.
- Mùi hôi từ các chuồng trại chăn nuôi

Cụ thể như sau:

a) Đối với bụi từ công đoạn sản xuất cám:

Để giảm thiểu bụi tại công đoạn nạp liệu, công ty đã lắp đặt hệ thống nạp liệu kín. Công nhân đặt bao nguyên liệu vào cửa nạp liệu sau đó motor sẽ tự hút nguyên liệu đưa vào máy nghiền.

Máy nghiền công ty đầu tư cũng là máy kín nên không phát sinh bụi đáng kể.

Sau khi nghiền xong, nguyên liệu được bơm bằng đường ống vào bồn chứa, hàng ngày cám lấy ra cho lợn ăn thông qua van điều khiển.

b) Đối với khí thải từ quá trình tiêu hủy heo chết:

Trong trường hợp xảy ra dịch lớn công ty phối hợp với cơ quan chức năng nhà nước để tiêu hủy đúng quy định. Trong trường hợp thi thoảng có 1 vài con bị chết thì công ty tự tiêu hủy bằng lò đốt tại công ty. Hiện nay, Công ty đã lắp đặt 2 lò đốt tiêu hủy heo chết bằng dầu DO. Thực tế do công tác chăn nuôi tốt, kịp thời chữa trị dịch bệnh nên lượng heo

chết cần tiêu hủy ở Công ty rất ít, tần suất hoạt động của lò đốt rất thấp, thường chỉ hoạt động một lò đốt. Khí thải sau lò đốt được quạt hút lưu lượng 3.500 m³/giờ hút cho phát tán khí thải ra môi trường qua ống thải cao 7m, đường kính 0,4m.

Hình ảnh thực tế lò đốt tiêu hủy heo chết tại Công ty:



Hình 3. 4. Hình ảnh lò tiêu hủy heo chết tại Công ty

c) Đối với mùi hôi từ các chuồng trại chăn nuôi:

Mùi hôi là mùi gây ô nhiễm chính ở các trại nuôi heo nói chung và ở Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt nói riêng chủ yếu là khí NH₃, H₂S....

Tại Công ty mùi hôi phát sinh ở một số khu vực như: Nước tiểu và phân heo từ chuồng trại nuôi heo, khí NH₃, H₂S, ... sinh ra trong quá trình phân hủy chất thải từ các hầm Biogas, quá trình phân hủy kỵ khí từ bãi tập trung rác và mùi hôi từ các loại thức ăn có đạm (thịt, các, canxi...).

Để giảm thiểu đến mức thấp nhất sự ảnh hưởng của mùi hôi đến công nhân trực tiếp lao động trong Công ty và những người dân sống xung quanh khu vực nhà máy thì chủ đầu tư thực hiện một số biện pháp sau:

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, mật độ heo trong một chuồng không quá nhiều.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải liên tục và đúng quy trình kỹ thuật.
- Rác sinh hoạt được thu gom để đúng nơi qui định và thường xuyên được nhân viên thu dọn vệ sinh đem tập trung ra khu vực bãi rác quy định hạn chế mùi hôi phát sinh.
- Nếu có dịch bệnh dẫn đến chết heo thì nhanh chóng tiêu hủy không để lâu ngày làm phát sinh mùi hôi. Tuy nhiên, Công ty vẫn cố gắng hạn chế dịch bệnh bằng cách: Đối với người lạ bên ngoài khi đi vào trang trại nuôi heo thì đều phải đeo giày ủng và đồ được sát trùng của Công ty, đối với xe cộ khi ra vào công ty phải được chạy qua khu vực xịt nước để rửa xe, khử trùng tránh lan truyền mầm bệnh cho trang trại heo.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Từ tháng 10/2020 đến nay Công ty tạm ngưng hoạt động chăn nuôi nên không có số liệu về chất thải rắn công nghiệp thông thường. Tuy nhiên, dựa vào số liệu trong thời gian hoạt động trước năm 2020 chúng tôi dự báo lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty như sau:

- Trong quá trình sản xuất thức ăn gia súc, Công ty có nhập nguyên liệu thô như: Ngũ cốc, thức ăn có đạm, các thành phần vi lượng, khoáng chất ... về để chế biến thức ăn nên chất thải công nghiệp ở đây hầu như chỉ có bao bì đựng nguyên liệu với khối lượng khoảng 200 kg/năm và phân heo khoảng 37,2 tấn/năm.

- Phân heo phơi khô sau đó hợp đồng bán cơ sở có nhu cầu thu mua làm phân bón.

- Đối với những loại bao bì này thì được sử dụng trở lại để đựng phân heo.

=> Vì vậy chất thải rắn công nghiệp mà Công ty phải hợp đồng để xử lý là hầu như không có.

b). Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Công ty trang bị thùng rác có thể tích từ 20-120 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Các thùng chứa này được bố trí khu vực văn phòng, khu nhà ở chuyên gia.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 2.100 kg/năm Công ty đã hợp đồng với đội công trình công cộng huyện Bàu Bàng để thu gom xử lý.

3.4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Dựa vào đặc thù ngành nghề chăn nuôi lợn và thời gian hoạt động trước đây chúng tôi dự báo chủng loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh như sau:

Bảng 3. 3. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	20	18 02 01
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	50	17 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	12	16 01 06
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01
5	Chai lọ đựng thuốc thú y	Rắn	180	18 01 04
6	Hộp máy in, photo	Rắn	2	08 02 04
Tổng cộng			274	

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

❖ Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý CTNH:

Chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty được phân loại và tập kết lưu giữ tại 1 khu vực diện tích 3 m² của nhà kho. Kho chứa có mái che và nền tráng xi măng chống thấm;

- Trong thời gian hoạt động, toàn bộ CTNH được công ty hợp đồng với xí nghiệp xử lý chất thải, Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương để thu gom, vận chuyển

đi xử lý.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

❖ Nguồn phát sinh:

- Trong quá trình hoạt động của Công ty, tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ động cơ của máy nghiền các loại ngũ cốc ở xưởng sản xuất cám.
- Tiếng ồn sinh ra trong quá trình ăn uống, tắm rửa heo và vệ sinh chuồng trại.
- Tiếng ồn còn sinh ra do chạy máy phát điện. Tuy nhiên, tiếng ồn do máy phát điện là không thường xuyên.
- Tiếng ồn sinh ra do quá trình vận chuyển của các loại xe tải, xe máy... ra vào Công ty.

❖ Biện pháp không chế

Để không chế các nguồn phát sinh tiếng ồn, Công ty thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bố trí các máy móc trong dây chuyền một cách hợp lý, tránh để các máy gây ồn và hoạt động cùng một lúc gây hiện tượng cộng hưởng.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mài mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ bôi trơn và thay thế các chi tiết bị mài mòn.
- Đối với các máy có độ rung lớn như máy nghiền ngũ cốc...phải đúc móng bê tông đủ khối lượng, tăng chiều sâu móng để tránh lan truyền độ rung.
- Công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.
- Công ty nên cho heo ăn uống đúng giờ, tránh tình trạng cho heo ăn uống thất thường để giảm tiếng ồn.
- Các phương tiện xe cộ ra vào Công ty phải được giảm tốc độ, hạn chế tối đa những phương tiện không cần thiết ra vào Công ty.
 - Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn:
 - +Môi trường xung quanh: QCVN 26:2010/BTNMT: từ 6 giờ đến 21 giờ (70 dBA); từ 21 giờ đến 6 giờ (55 dBA).
 - +Môi trường lao động bên trong xưởng: QCVN 24:2016/BTNMT giới hạn tối đa 85 dBA.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố HTXL nước thải

a. Phương án phòng ngừa sự cố HTXL nước thải:

Như đã trình bày ở trên thì hiện nay, tại Công ty Chúng tôi đã đầu tư một HTXL nước thải tập trung với công suất 2.000 m³/ngày.đêm; vì vậy để ngăn ngừa các sự cố môi trường đối với HTXL nước thải của Công ty trong quá trình vận hành, Chúng tôi cũng đã và đang thực hiện một số phương án phòng ngừa sự cố HTXL nước thải như sau:

Bảng 3.4. Phương án phòng ngừa sự cố HTXL nước thải

Stt	Phương án phòng ngừa sự cố
1	Tách riêng hệ thống thu gom nước thải với hệ thống thu gom nước mưa
2	Luôn tuân thủ các yêu cầu thiết kế của HTXL nước thải
3	Thực hiện vận hành HTXL theo đúng quy trình kỹ thuật.
4	Lập hồ sơ nhật ký vận hành để theo dõi diễn biến quá trình vận hành của các hệ thống xử lý nước thải, dự báo kịp thời các sự cố có thể xảy ra
5	Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của HTXL, nhằm đảm bảo HTXL luôn được vận hành một cách tốt nhất, tránh tình trạng hư hỏng có thể xảy ra
6	Lắp đặt dự phòng 1 máy bơm nước thải và 1 máy thổi khí, chằng chống khắc phục máy bơm hỏng này.
7	Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất
8	Định kỳ 3 tháng/lần Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đi lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải đầu ra sau xử lý
9	Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được chúng tôi tuyển chọn là công nhân đã được đào tạo chuyên ngành về môi trường, có kinh nghiệm trong vấn đề vận hành hệ thống xử lý nước thải
10	Hàng năm Công ty tổ chức chương trình đào tạo cán bộ môi trường để theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng như các công trình môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho đội ngũ nhân viên
11	Nhân viên quản lý môi trường tại Công ty sẽ được tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức

b. Phương án ứng phó sự cố đối với HTXL nước thải:

Bên cạnh phương án phòng ngừa sự cố cho HTXL nước thải, Chúng tôi cũng đã xây dựng các phương án ứng phó các sự cố của HTXL như sau:

Bảng 3. 5. Kịch bản sự cố của HTXL nước thải và phương án ứng phó

Stt	Ký hiệu	Sự cố	Biện pháp ứng phó sự cố môi trường
1	SC1	Sự cố HTXL phải ngưng hoạt động trong thời gian dài do chất lượng nước sau xử lý không đạt yêu cầu	- Ngừng không bơm nước thải ra sông Bé, lưu giữ nước thải trong các bể của hệ thống xử lý. - Tìm nguyên nhân khắc phục (nguyên nhân có thể: Vi sinh chết, không đảm bảo dinh dưỡng cho vi sinh hoạt động; xảy ra hiện tượng sốc tải; máy móc thiết bị bị hư hỏng không phát hiện kịp thời...). - Trong quá trình khắc phục sự cố phải đảm bảo bể sinh học luôn có nước thải, duy trì DO trong bể từ 1,5 –

			2,5mg/l. Bổ sung các chất dinh dưỡng vào trong các bể sinh học nếu cần thiết. - Khi khắc phục xong sự cố sẽ hoạt động trở lại. - <i>Trong trường hợp các bể của hệ thống xử lý đã lưu chứa đầy nhưng vẫn chưa khắc phục sự cố xong thì sẽ tạm ngưng sản xuất. Khi nào khắc phục xong sự cố sẽ đi vào sản xuất trở lại.</i>
2	SC2	Sự cố quá tải hệ thống xử lý	Điều tiết kế hoạch sản xuất phù hợp để lưu lượng nước thải phát sinh ổn định. Sử dụng nguyên vật liệu, hoá chất sản xuất đúng định mức để không gây quá tải về nồng độ nước thải đầu vào.
3	SC3	Sự cố rò rỉ đường ống thu gom nước thải	Thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom, kịp thời thay thế những đoạn ống có nguy cơ bể vỡ.
4	SC4	Sự cố máy bơm nước thải bị hư	- Đóng CP, ấn nút khởi động bơm. - Chờ nước đầy. - Kiểm tra van - Đặt lại đúng vị trí. - Gắn lại ống đầy. - Vệ sinh ống. - Chỉnh nhỏ van hồi lưu (nếu có) hoặc đóng mở van chính cho đạt thiết kế. - Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện - Trường hợp chưa khắc phục được ngay thì sử dụng máy bơm dự phòng thay thế.
5	SC5	Sự cố máy thổi khí bị hư	- Nếu đã có điện mà không chạy, kiểm tra động cơ. - Tăng đai, thay đai. - Vệ sinh bộ lọc khí. - Kiểm tra lại đường ống khí, xả nước ngưng, xả bột khí. - Thay dầu nếu hết dầu, thay bạc đạn nếu bị hư. - Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện. - Trường hợp không khắc phục được ngay thì sử dụng máy thổi khí dự phòng thay thế.
6	SC6	Sự cố bùn vi sinh bị chết	Nếu thiếu dinh dưỡng thì bổ sung thêm dinh dưỡng cho vi sinh đảm bảo tỷ lệ BOD:P:N=100:5:1. Nếu DO tại bể <1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể để duy trì DO trong khoảng 1,5 – 4 mg/l. Nếu pH trong bể không đảm bảo thì thực hiện điều chỉnh pH đến 7.

			Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện, dự kiến thời gian khắc phục trong ngày
7	SC7	Bùn nổi trên bề mặt bể lắng thứ cấp	Bùn vi sinh có hiện tượng nổi bọt, do tuổi bùn cao, cần bơm bùn ra bể chứa, một phần bơm tuần hoàn về bể Aerotank. Làm thí nghiệm Jarrest để xác định tỷ lệ PAC và Polymer cho vào hợp lý, giúp bông bùn hình thành to hơn tăng khả năng lắng. Nếu DO tại bể aerotank <1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể để duy trì DO trong > 2 mg/l. Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn
8	SC8	Sự cố bồn lọc áp lực bị tắc nghẽn	Vệ sinh cột lọc theo định kỳ. Nhân viên vận hành thường xuyên kiểm tra.

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

3.6.3. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất:

- Đặc thù công ty không sử dụng hóa chất nhiều, chủ yếu các loại thuốc thú y và dầu DO để tiêu hủy heo chết.
- Đối với thuốc thú y thì công ty không trữ tại Công ty, khi nào có nhu cầu sử dụng thì chúng tôi đi mua về.
- Đối với thùng chứa dầu DO thì công ty thương xuyên theo dõi và bảo dưỡng đường ống, thùng chứa để kịp thời phát hiện rò rỉ.

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ trong công ty:

Công ty đã được Công an Tỉnh Bình Dương cấp giấy thẩm duyệt hệ thống PCCC số 197/TD-PCCC ngày 03/05/2006 (giấy thẩm duyệt được đính kèm phần phụ lục).

❖ Công ty tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ

- Tổ chức lực lượng: Thành lập 1 đội PCCC cơ sở gồm có 10 đội viên do Quản lý an toàn là đội trưởng trực tiếp chỉ huy, và đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cấp giấy chứng nhận do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Dương tổ chức.

+ Trong giờ làm việc: Có thường xuyên từ 10 đội viên đội PCCC, do đội trưởng đội PCCC Công ty chỉ huy.

+ Ngoài giờ: có 2 đội viên do đội trưởng đội PCCC Công ty chỉ huy.

- Xây dựng phương án chữa cháy tại chỗ và phổ biến cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, định kỳ hàng năm thực tập phương án chữa cháy.

- Thành lập BCH, đội PCCC được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC, trang bị phương tiện chữa cháy cầm tay để phục vụ chữa cháy ban đầu.

❖ *Chế độ kiểm tra, bảo dưỡng:*

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch cụ thể trong công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện PCCC theo đúng chế độ quy định tại các tiêu chuẩn hiện hành. Cụ thể như sau:

- Đối với các bình chữa cháy: Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với tất cả bình chữa cháy xách tay và bình chữa cháy xe đẩy, quy định của Luật PCCC.

- Đối với hệ thống chữa cháy: Mỗi năm một lần tiến hành phun thử, kiểm tra chất lượng toàn bộ vòi phun, đầu nối, lăng phun đã trang bị; vệ sinh toàn bộ các van đóng mở nước và lăng phun nước, thay những thiết bị không đảm bảo chất lượng theo quy định.

- Định kỳ bảo dưỡng kỹ thuật máy bơm chữa cháy không quá một năm một lần theo quy định. Máy bơm chữa cháy được trang bị tiến hành khởi động hàng ngày và trước mỗi ca sản xuất, khắc phục ngay khi có hư hỏng.

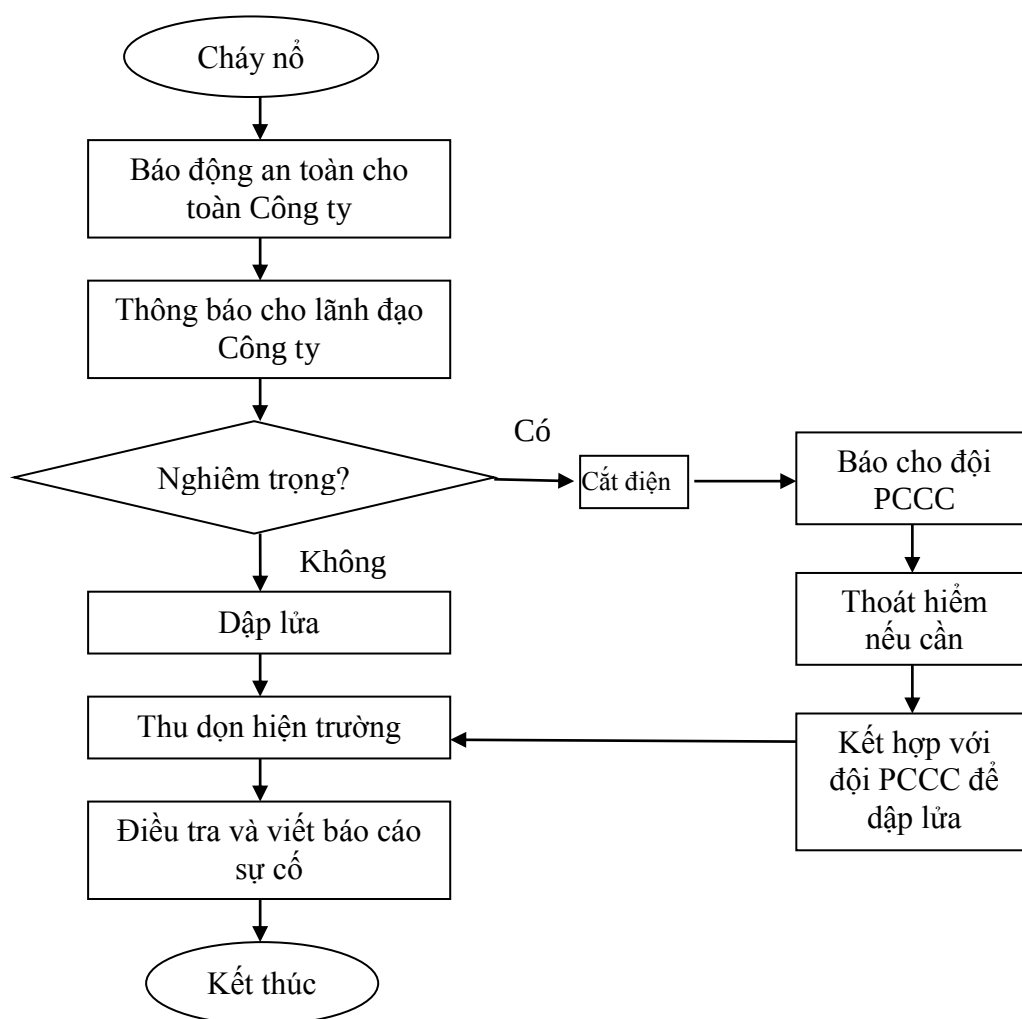
- Đối với hệ thống chống sét: Hàng năm đều kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống chống sét toàn công trình theo quy định PCCC.

- Đối với hệ thống báo cháy tự động được kiểm tra ít nhất 02 lần/năm và bảo dưỡng kỹ thuật không quá 02 năm một lần theo quy định PCCC.

- Đối với hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn: Mỗi năm một lần đều được kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật của từng loại phương tiện. Đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn được thử nghiệm trong thời gian 2h, những phương tiện không đảm bảo thời gian làm việc đều được thay thế đúng theo quy định của PCCC.

❖ *Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ:*

Trong trường hợp xảy ra sự cố thì tất cả cán bộ nhân viên hay khách hàng phát hiện ra đều phải khẩn trương thông báo qua điện thoại, báo động qua keng, chuông báo động hoặc trực tiếp báo cho đội PCCC tỉnh Bình Dương. Quy trình ứng phó sự cố cháy, nổ được tóm tắt qua sơ đồ sau:



Hình 3. 5. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Như vậy, theo sơ đồ quy trình nêu trên, thì khi xảy ra sự cố cháy, Công ty sẽ có các bước thực hiện ứng phó cụ thể như sau:

- Khi xảy ra sự cố cháy tại bất kỳ khu vực nào trong Công ty, tất cả nhân viên phải tuân thủ theo các bước sau đây:

- + Người phát hiện ra đám cháy đầu tiên phải báo động cho người cùng biết bằng cách hô to khẩu lệnh “Cháy, cháy, cháy”. Sau đó nhấn nút báo động khẩn và điện thoại trực tiếp cho thường trực bảo vệ tại Công ty cùng các lãnh đạo có mặt tại Công ty được biết vị trí xảy ra cháy.

- + Những khu vực xảy ra cháy phải nhanh chóng cúp ngay cầu dao điện đồng thời sử dụng bình xịt CO₂, bình bột, nước vách tường để chữa cháy ngay ban đầu.

- + Sơ tán công nhân viên ra khỏi khu vực cháy ngay lập tức

- + Lễ tân trong Công ty phải điện báo nhanh chóng cho công an phường/xã hoặc các đơn vị PCCC địa phương.

- + Trục lãnh đạo tại Công ty, trực chỉ huy PCCC tổ chức điều động việc chữa cháy và cứu nạn; đồng thời chỉ đạo các bộ phận hướng dẫn, di chuyển người, tài sản ra các khu vực tập kết an toàn.

– Khi xảy ra đám cháy thì trách nhiệm và công việc của các thành viên trong đội PCCC của Công ty sẽ thực hiện như sau:

+ Tổ thông tin liên lạc: Có trách nhiệm giữ vững thông tin liên lạc giữa các phòng ban trong nội bộ Công ty. Truyền đạt các thông tin và mệnh lệnh của người chỉ huy cao nhất hiện có mặt tại Công ty.

+ Tổ cứu thương: Có nhiệm vụ phối hợp trực tiếp với các công nhân viên hiện có mặt tại Công ty, thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, sơ cấp cứu và chuyển người bị nạn đến bệnh viện, hướng dẫn đường thoát hiểm,...

+ Tổ xung kích chữa cháy: Tiến hành tiếp cận khu vực cháy, kết hợp với công nhân viên trong khu vực xảy ra đám cháy chữa cháy theo sự chỉ huy và phân công của đội trưởng.

+ Tổ bảo vệ: Có nhiệm vụ giữ gìn trật tự, bảo vệ tài sản của Công ty được đem ra khỏi đám cháy. Đồng thời hướng dẫn lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp của địa phương nhanh chóng tiếp cận đám cháy, không cho những người không có nhiệm vụ vào khu vực bị cháy, khai thông lối đi cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp đến đúng nơi làm nhiệm vụ.

+ Trong quá trình tham gia tổ chức chữa cháy theo các vị trí đã phân công nêu trên thì tất cả các nhân viên trong Công ty luôn đặt nhiệm vụ cứu người là ưu tiên hàng đầu.

– Sau khi đám cháy được dập tắt hoàn toàn, đội PCCC phải bảo vệ tốt hiện trường xảy ra đám cháy, giao lại đầy đủ hiện vật tại chỗ cho chỉ huy và tổ giám định của công an PCCC để xác định nguyên nhân vụ cháy; đồng thời cử người túc trực tại khu vực cháy để theo dõi những tàn lửa có thể còn sót lại cho đến khi có lệnh của lãnh đạo thì triển khai khắc phục hậu quả.

– Khi nhận được lệnh khắc phục hậu quả từ ban lãnh đạo thì các tổ có nhiệm vụ như sau:

+ Tổ xung kích chữa cháy nhanh chóng thu dọn những dụng cụ chữa cháy, thống kê các loại phương tiện chữa cháy sử dụng.

+ Tổ bảo vệ và tổ di tản sẽ thống kê số lượng nhân viên bị thương, số lượng tài sản hư hỏng, bàn giao các tài sản đã di chuyển và hư hỏng cho bộ phận/cá nhân liên quan.

+ Tổ thông tin liên lạc: Thông báo sự việc cháy và mệnh lệnh của lãnh đạo để nhanh chóng ổn định tình hình.

– Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm sau khi xảy ra sự cố: Ban Chỉ huy PCCC có trách nhiệm tổ chức buổi họp sau khi xảy ra sự cố cháy nổ hoặc sau các buổi diễn tập PCCC nhằm rút kinh nghiệm và khắc phục các sai sót (nếu có) trong suốt quá trình đáp ứng với tình huống khẩn cấp.

Lưu hồ sơ: Các hồ sơ liên quan đến việc đáp ứng các tình huống khẩn cấp cháy nổ sẽ được Ban Chỉ huy PCCC hoặc các Trưởng Bộ phận liên quan ghi vào Biểu Mẫu Ghi Nhận

Thông Tin và Sự không phù hợp và chuyển cho đại diện lãnh đạo phụ trách môi trường. Ghi chú:

Nhờ công tác PCCC được thực hiện tốt mà trong thời gian hoạt động vừa qua (từ năm 2006 đến nay) trong công ty chưa xảy ra sự cố cháy nào.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Ngoài các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chính nêu trên, thì trong quá trình hoạt động, Công ty còn có các biện pháp để giảm thiểu tác động bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm như sau:

- Điều tiết tốc độ cũng như lưu lượng xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm ra vào dự án hợp lý.
- Vào mùa khô, tần suất tưới nước trên đường nội bộ khoảng 3 - 4 lần nhằm hạn chế bụi cuốn theo gió phát tán vào môi trường.
- Các PTVC sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ và được bảo trì theo định kỳ, đạt chất lượng của Cục đăng kiểm.
- Trong khi chờ tháo dỡ nguyên liệu hay chất sản phẩm lên xe thì các phương PTVC phải tắt máy.

3.8. Các nội dung thay đổi so với nội dung đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Bảng 3. 6. Bảng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thay đổi so với Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

TT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh thay đổi đã thực hiện
01	Xử lý heo chết	Heo chết không do dịch bệnh: Giải phẫu để xác định nguyên nhân do bệnh → cạo long (bằng lửa) → nấu bằng nồi áp suất cao → Đam động vật xử lý làm thức ăn bổ sung.	Heo chết không do dịch bệnh: Công ty sử dụng 02 lò đốt tiêu hủy heo chết bằng dầu DO, khí thải được thu gom và thải ra ngoài môi trường qua 2 ống thải cao 10m, đường kính 0,3m. 2 lò hoạt động luân phiên nhau.
02	Bụi công đoạn sản xuất cám	-Bụi công đoạn nghiền và trộn (sản xuất thức ăn gia súc) → túi lọc → Cyclon → tái sử dụng.	-Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín nên phát sinh bụi ít. -Bụi công đoạn nghiền và trộn cám (sản xuất thức ăn gia súc) → Cyclon → Lọc bụi túi vải → tái sử dụng.
03	Mùi hôi	Trại heo → thiết bị phun tự động khử mùi và trồng cây có mùi thơm	-Mùi từ quá trình chăn nuôi được hạn chế bằng cách thường xuyên vệ sinh chuồng trại, khử trùng và trồng cây xanh xung

TT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh thay đổi đã thực hiện
			quanh.
04	Xử lý nước thải	Nước thải từ trại heo (bao gồm cả phân heo) → bể thu gom → tách chất thải lỏng/rắn (đối với chất thải rắn → Bể lên men hiếu khí → trộn trấu và các chất phụ gia khác → tách nước → phân bón hữu cơ) → chất thải lỏng + nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại → bể điều hòa/thiếu khí → bể phản ứng UASB → bể hiếu khí → Bể lắng → Tưới cây hoặc thải ra kênh số 1.	–Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động bao gồm nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại, vệ sinh heo và nước thải sinh hoạt từ quá trình vệ sinh của người lao động được thu gom xử lý qua hệ thống có công suất 2.000 m3/ngày.đêm với quy trình như sau: Nước thải → Máy tách phân → Hồ ổn định → Hàm Biogas (7 hàm) → Bể sinh học hiếu khí kết hợp lắng → Bể sinh học hiếu khí (4 bể) → Bể lắng → Hồ sinh học tự nhiên (4 hồ) → Khử trùng → Nguồn tiếp nhận (suối Bến Ván).
05	Quy mô hoạt động	Chăn nuôi heo thịt, heo giống: 49.607 con/năm. Sản xuất thức ăn gia súc: 15.610 tấn/năm Sản xuất phân hữu cơ: 31 tấn/ngày	–Chăn nuôi heo: 27.000 con/năm. –Sản xuất thức ăn chăn nuôi (chỉ phục vụ cho quá trình chăn nuôi tại Công ty): 13.140 tấn/năm. –Không sản xuất phân bón hữu cơ.
06	Quy trình chăn nuôi	Heo giống → phối giống → mang thai → sinh heo con → chăm sóc → Tăng trưởng → Thành phẩm.	–Quy trình chăn nuôi: Heo nái → heo con (heo giống) → heo thương phẩm.
07	Quy trình sản xuất thức ăn gia súc	Nguyên liệu (ngô, cám, gạo tấm) → Nghiền → Cân → Phối trộn với thức ăn có thịt, canxi, phốt phát, muối vi lượng, kháng sinh, diệt nấm, diệt giun → Tạo viên → Đóng gói thành phẩm.	–Nguyên liệu (ngô, gạo, cám) → Nghiền → Trộn (gồm thịt, cá, canxi, vi khoáng) → Cân → cung cấp cho trại heo tại Công ty.
08	Quy trình sản xuất phân hữu cơ	Phân heo phát sinh từ dự án → Ủ yếm khí → Phân hữu cơ.	Không sản xuất phân hữu cơ

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

a) Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước từ bể tự hoại và nước không qua bể tự hoại) phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước từ bể tự hoại và nước không qua bể tự hoại) phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà nghỉ trưa công nhân.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước từ bể tự hoại và nước không qua bể tự hoại) phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà ở chuyên gia.

b). Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh tắm rửa, nước tiểu của dãy chuồng trại A.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh tắm rửa, nước tiểu của dãy chuồng trại B.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh tắm rửa, nước tiểu của dãy chuồng trại C.

4.1.2. Dòng nước thải, vị trí xả thải:

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Thị Tính đoạn chảy qua phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

b). Vị trí xả nước thải: Suối Bến Ván → sông Thị Tính.

Tọa độ vị trí xả thải: X=12.43.479 m; Y=06.74.493 m.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

c) Lưu lượng xả thải lớn nhất: 893 m³/ngày.đêm. Cụ thể như sau:

Bảng lưu lượng từng nguồn nước thải

Stt	Nguồn thải	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)
1	Nguồn số 01, 02, 03	5,1
2	Nguồn số 04, 05, 06	893
	Tổng cộng	~ 898

– Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tự chảy qua máng đo Pashall (được quan trắc tự động) rồi tiếp tục dẫn ra suối Bền Ván bằng mương hở dài 44m, rộng 0,7m và cao 0,5m, cuối cùng chảy ra sông Thị Tính.

– Hình thức xả thải: Xả mặt.

– Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày, liên tục.

– Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột A, Kq=0,9, Kf=0,9), cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng	-	-	3 tháng/lần	Lắp đặt trạm quan trắc tự động liên tục các thông số pH, TSS, COD, lưu lượng và truyền dữ liệu về Sở
2.	pH	-	6 - 9		
3.	TSS	mg/l	40,5		
4.	COD	mg/l	81		
5.	BOD ₅	mg/l	32,4		
6.	Tổng N	Pt-Co	40,5		
7.	Coliform	mg/l	3.000		

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Dự án không có nguồn khí thải cần phải xử lý

(Bởi vì quá trình tiêu hủy heo chết được đốt bằng dầu DO, không có công trình xử lý)

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ các máy nghiền cám
- Nguồn số 02: Từ các máy móc vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Từ quạt hút khí thải 2 lò tiêu hủy heo chết
- Nguồn số 04: Từ máy phát điện

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện X = 12.44.774m; Y = 06.90.414m
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện X = 12.44.724m; Y = 06.90.409m
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện X = 12.44.783m; Y = 06.90.402m
- Nguồn số 04: Tọa độ đại diện X = 12.44.788m; Y = 06.90.426m

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

4.3.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

4.3.3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

4.3.3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	20	18 02 01
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	50	17 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	12	16 01 06
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01
5	Chai lọ đựng thuốc thú y	Rắn	180	18 01 04
6	Hộp máy in, photo	Rắn	2	08 02 04
Tổng cộng			274	

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì đựng nguyên liệu	200

2	Phân heo (đã phơi giảm độ ẩm)	37.200
Tổng cộng		37.400

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1.500
	Tổng khối lượng	1.500

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa.

Kho lưu giữ: Diện tích 3 m². Thiết kế, cấu tạo: Tường bao quanh bằng gạch, nền bê tông chống thấm, lợp mái tôn, có gờ bao xung quanh.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Sân phơi bùn diện tích 150 m² và nhà chứa bùn diện tích 20 m².

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty sử dụng thùng chứa có nắp đậy thể tích 20-120 lít để lưu giữ CTRSH trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Vì Công ty tạm ngưng chăn nuôi từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2023 nên số liệu quan trắc định kỳ được tham khảo từ năm 2018 và 2019.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2019

Stt	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 62-MT:2016/B TNMT
			Quý 1/2019	Quý 2/2019	Quý 3/2019	Quý 4/2019	
1	pH	-	6,23	6,85	6,48	6,70	6-9
2	TSS	mg/l	20	29	12	16	40,5
3	COD	mg/l	42	49	52	41	81
4	BOD5	mg/l	21	30	28	25	32,4
5	Tổng N	mg/l	0,784	1,24	2,24	2,35	40,5
6	Tổng P	mg/l	0,126	0,096	0,986	0,108	-
7	Amoni	mg/l	0,041	0,233	1,99	0,116	-
8	Coliform	MPN/100ml	2.300	2.000	2.700	1.700	3.000

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2019, Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2018

Stt	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 62-MT:2016/B TNMT
			Quý 1/2018	Quý 2/2018	Quý 3/2018	Quý 4/2018	
1	pH	-	6,04	6,74	6,58	6,88	6-9
2	TSS	mg/l	35	37	29	30	40,5
3	COD	mg/l	19	66	45	68	81
4	BOD5	mg/l	10	31	27	28	32,4
5	Tổng N	mg/l	1,24	12,35	2,69	23,12	40,5
6	Tổng P	mg/l	0,081	2,94	0,745	1,05	-
7	Amoni	mg/l	0,057	9,78	1,92	16,83	-
8	Coliform	MPN/100ml	2.700	2.700	2.500	2.300	3.000

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2018, Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

Nhận xét: Qua bảng số liệu tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý chúng tôi nhận thấy các giá trị quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn - QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A ($K_q=0,9$; $K_f=0,9$).

5.2. Kết quả quan trắc tự động đối với nước thải:

Vì Công ty tạm ngưng chăn nuôi từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2023 nên số liệu quan trắc tự động liên tục được tham khảo số liệu năm 2019. Cụ thể kết quả như sau:

Thời gian	Kết quả			
	Lưu lượng (m ³ /giờ)	pH	COD (mg/l)	TSS (mg/l)
1/2019	33,7	6,72	35	32
2/2019	35,9	6,21	46	38
3/2019	31,5	6,18	38	32
4/2019	27,6	6,74	52	47
5/2019	19,8	7,05	47	35
6/2019	25,6	7,12	49	41
7/2019	27,9	6,98	51	42
8/2019	32,5	7,34	53	45
9/2019	36,4	6,56	64	47
10/2019	35,6	7,04	50	36
11/2019	34,9	7,32	48	39
12/2019	32,8	6,69	42	32

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải:

Vì Công ty tạm ngưng chăn nuôi từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2023 nên số liệu quan trắc định kỳ được tham khảo từ năm 2018 và 2019.

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải tại lò tiêu hủy heo chết năm 2019

Stt	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_v=1$, $K_p=1$)
			Quý 1/2019	Quý 2/2019	Quý 3/2019	Quý 4/2019	
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.150	2.518	2.341	2.974	200
2	Nhiệt	°C	118	129	109	114	-

	độ						
3	Bụi	mg/Nm ³	120	104	101	95	200
4	CO	mg/Nm ³	498,5	545,5	431,5	635,8	1.000
5	SO ₂	mg/Nm ³	132,8	169,9	101,9	142,5	500
6	NO _x	mg/Nm ³	109,7	128,4	134,9	100,5	850

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2019, Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc khí thải tại lò tiêu hủy heo chết năm 2018

Stt	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kv=1, Kp=1)
			Quý 1/2018	Quý 2/2018	Quý 3/2018	Quý 4/2018	
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.400	2.120	2.142	2.524	200
2	Nhiệt độ	°C	110	103	124	115	-
3	Bụi	mg/Nm ³	159	133	114	92	200
4	CO	mg/Nm ³	421,5	369,6	365,9	452,5	1.000
5	SO ₂	mg/Nm ³	165,2	137,5	131,5	68,6	500
6	NO _x	mg/Nm ³	72,1	61,1	105,5	159,9	850

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2018, Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt)

Nhận xét: Kết quả quan trắc định kỳ khí thải tại ống thoát lò tiêu hủy heo chết sử dụng nhiên liệu đốt dầu DO từ cho thấy các giá trị giám sát đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn - QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kv=1, Kp=1).

Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY

6.1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật:

6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Quan trắc nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm nước thải đầu ra sau HTXL - tại máng đo lưu lượng
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N, coliforms
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột A, Kq=0,9, Kf=0,9).

6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục nước thải:

Quan trắc tự động liên tục nước thải và truyền dữ liệu về sở Tài nguyên và môi trường giám sát các thông số: lưu lượng đầu vào và ra, pH, COD, TSS, nhiệt độ, amoni.

6.1.3. Quan trắc môi trường khác:

Quan trắc chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí: tại nhà thu gom và chứa chất thải.
- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại chất thải.
- Tần suất giám sát: liên tục hằng ngày
- Tần suất báo cáo: 1 năm/lần

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

Tạm thời kinh phí quan trắc môi trường hàng năm giai đoạn vận hành nhà máy được dự trù dựa theo quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/08/2018 của UBND tỉnh Bình Dương như sau:

Bảng 6.1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của Công ty

STT	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	pH	4 lần/năm	49.200	196.800
2	Nhiệt độ		46.800	187.200
3	TSS		176.040	704.160
4	COD		226.440	905.760
5	BOD ₅		198.432	793.728
6	Coliforms		150.500	602.000
	Tổng cộng			3.389.648

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian vừa qua, do tạm ngưng chăn nuôi nên công ty không tiếp đoàn thanh kiểm tra nào của cơ quan nhà nước.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi cam kết những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực, nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt cam kết sẽ thực hiện tốt chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu tại chương 5; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong giai đoạn hoạt động của dự án. Cụ thể trong từng giai đoạn của quá trình sản xuất, chúng tôi sẽ cam kết thực hiện các hạng mục sau:

8.1. Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường

–Áp dụng tất cả các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đầu tư lắp đặt và xây dựng các công trình kiểm soát, xử lý tác nhân gây tác động xấu do nước thải và bố trí các thùng thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại, các biện pháp khắc phục sự cố môi trường, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của người lao động, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động chăn nuôi và chất thải nguy hại,... trong quá trình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và các quy định hiện hành.

–Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế để vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình các hạng mục xử lý nước thải. Phân công cán bộ có năng lực và chuyên môn về môi trường để quản lý môi trường cho Công ty đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

–Công ty có kế hoạch đào tạo cán bộ môi trường để theo dõi, vận hành các công trình môi trường. Hàng năm chúng tôi đã và sẽ tổ chức các chương trình, hoạt động thiết thực nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho đội ngũ nhân viên và cán bộ môi trường.

–Trong quá trình hoạt động nếu có yếu tố môi trường nào phát sinh ngoài dự đoán, chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để kịp thời xử lý nguồn ô nhiễm này.

8.2. Cam kết thực hiện tuân thủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn môi trường

Công ty cam kết trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép xả thải vào môi trường, bao gồm:

❖ *Nước thải:*

–Cam kết thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh tại Công ty, xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột A, $K_q=0,9$, $K_f=0,9$), trước khi xả ra sông Thị Tính.

–Công ty cam kết sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất khi HTXL nước thải gặp sự cố dẫn đến chất lượng nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

❖ *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

–Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên được phân loại tại nguồn và quản lý đúng theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

–Toàn bộ chất thải rắn phát sinh thu gom, lưu giữ sau đó ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

❖ *Chất thải nguy hại:*

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được thu gom và lưu giữ vào kho chứa chất thải nguy hại sau đó hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

PHỤ LỤC

1. Giấy tờ pháp lý của Công ty
2. Bản vẽ tổng mặt bằng công ty và bản vẽ các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Số: 01/24/GUQ-CHC

Dài Việt, ngày / tháng / năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN
授權書

Tên Công ty: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN DÀI VIỆT
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3700231128
Ngày cấp lần đầu ngày: 26.06.2008
Chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày: 16.08.2022
Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Dương

Họ và tên Người ủy quyền 授權者姓名：

Ông: CHEN, PING-CHANG Chức vụ : Tổng Giám đốc

Số hộ chiếu: 350992744

Ngày cấp: 30.08.2018

Nơi cấp: Taiwan

Bằng văn bản này, tôi ủy quyền cho ông:

茲以本文書授權予以：

Họ và tên Người được ủy quyền 受委托者姓名：

Ông: YANG, YU-CHENG Chức vụ : Phó Giám Đốc

Số hộ chiếu: 314708622

Ngày cấp: 10.04.2017

Nơi cấp: Taiwan

Nội dung ủy quyền: Thay mặt người ủy quyền, người được ủy quyền được quyền ký các văn bản, chứng từ, báo cáo thuế, giấy tờ khác...

授權內容：代表授權者，受委托人有權力簽署各文件，憑單，稅務報告，其他證件等..

Thời gian ủy quyền: Từ ngày / tháng / năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Người được ủy quyền ký thay không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

受委托人不許再授權第三者。

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết, giao dịch do Bên được ủy quyền thay mặt tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên. Tôi xác nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền.

茲承諾負擔法律責任由受委托入交易，簽署在上述委托內容範圍。茲確認已經詳細了解本身的合法權利，義務以及委托之事的法理後果。

Trân trọng!

CHỮ KÝ
BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

楊鈺城

YANG YU CHENG



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6541454364

Chứng nhận lần đầu: ngày 26 tháng 6 năm 2008

(Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000404

do UBND tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 26/6/2008

đăng ký lại từ Giấy phép đầu tư số 1965/GP ngày 08/8/1997

của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 8: ngày 14 tháng 6 năm 2023

Căn cứ Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 3700231128 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 8 năm 2022;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6541454364 (số cũ: 461043000404) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2008 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận điều chỉnh lần thứ 7 ngày 22 tháng 9 năm 2022;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt nộp ngày 08 tháng 6 năm 2023.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư TRANG TRẠI CHĂN NUÔI VÀ NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6541454364 (số cũ: 461043000404) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2008 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận điều chỉnh lần thứ 7 ngày 22 tháng 9 năm 2022;

đăng ký cập nhật thay đổi người đại diện nhà đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: TAIWAN SUGAR CORPORATION; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 03794905; cấp ngày 09 tháng 9 năm 1948; nơi cấp Bộ Kinh tế Đài Loan; địa chỉ trụ sở chính No. 68, Shengchan Rd., Tainan (701), Taiwan;

Đại diện bởi: Ông YANG, MING-JOU; sinh ngày 13 tháng 10 năm 1956; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số 311626861 do Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 19 tháng 8 năm 2015; địa chỉ thường trú No. 68, Shengchan Rd., Tainan (701), Taiwan; nơi ở hiện nay tại No. 68, Shengchan Rd., Tainan (701), Taiwan; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT; mã số doanh nghiệp 3700231128 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 8 năm 2022; địa chỉ trụ sở chính tại ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI VÀ NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC.

2. Mục tiêu dự án:

Số TT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
01	Sản xuất lợn giống, lợn thịt.	0145	
02	Sản xuất thức ăn gia súc.	1080	
03	Sản xuất phân bón hữu cơ.		

3. Quy mô dự án:

- Lợn giống, lợn thịt: 60.000 con /năm.
- Thức ăn gia súc: 110.000 tấn/năm.

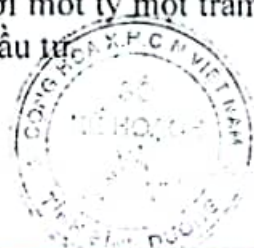
4. Địa điểm thực hiện dự án: ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích đất sử dụng cho dự án: 490.378,7 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đô la Mỹ tương đương 449.075.000.000 (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ bảy mươi lăm triệu) đồng Việt Nam (tỷ giá quy đổi 1 USD = 22.315 VNĐ ngày 19/9/2017).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm ngàn) đô la Mỹ tương đương 281.169.000.000 (Hai trăm tám mươi một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu) đồng Việt Nam, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:



Số TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	TAIWAN SUGAR CORPORATION	281.169.000.000	12.600.000	100	Tiền mặt	Đã góp đủ

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 08 tháng 8 năm 1997.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: theo Báo cáo của nhà đầu tư, dự án đã hoạt động.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và chịu sự kiểm tra và giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Nhà đầu tư chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện và/hoặc được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận... theo quy định pháp luật hiện hành; chấp hành quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.

an toàn lao động và quy định pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư kinh doanh đã đăng ký.

4. Nhà đầu tư phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật đối với địa điểm thực hiện dự án đã đăng ký. Cơ quan đăng ký đầu tư không giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến địa điểm thực hiện dự án đăng ký của nhà đầu tư.

6. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật đối với địa điểm thực hiện dự án đã đăng ký. Cơ quan đăng ký đầu tư không giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến địa điểm thực hiện dự án đăng ký của nhà đầu tư.

7. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

8. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm của nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 4.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số (số cũ: 461043000404) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2008 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận điều chỉnh lần thứ 7 ngày 22 tháng 9 năm 2022.

Điều 5.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Các Sở: TNMT, XD, CT, TC, NNPTNT, LĐTBXH, TTTT, NgV;
- LDLĐ tỉnh, BHXH tỉnh, NHNN tỉnh, VPPC BÀU BÀNG;
- Cục: Hải quan, Thuế, Thống kê;
- Công an tỉnh, BCHQS tỉnh;
- Công ty TNHH Nông sản Đại Việt;
- Phòng ĐKKD, Tira Sở;
- Lưu: VT, KTDN (Hg).

(PTr số: 111/T6-2023)

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SCT: 8884 Quyền sở: SCT/BS

19-08-2023

GIÁM ĐỐC



Phạm Trọng Nhân

CCV. Nguyễn Thị Mai

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700231128

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 16 tháng 08 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAI VIET AGRIBUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ấp Cầu Sắt, Xã Lai Hưng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743 590229

Fax: 02743 590230

Email: ctytnhnhongsandaiviet@gmail.com Website:

3. Vốn điều lệ 281.169.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai trăm tám mươi một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu đồng tương đương 12.600.000 USD (Mười hai triệu sáu trăm nghìn Đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: TAIWAN SUGAR CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 03794905

Ngày cấp: 09/09/1948 Nơi cấp: Bộ Kinh tế Đài Loan

Địa chỉ trụ sở chính: No.68, Shengchan Rd., Taiwan (701), Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHEN, PING-CHANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 05/01/1969

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc (Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 350992744

Ngày cấp: 30/08/2018

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Đài Loan

Địa chỉ thường trú: No.122, Longshan Rd., Meinong Dist., Kaohsiung City, Taiwan, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Ấp Cầu Sắt, Xã Lai Hưng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

Chứng thực bản sao đáng với bản chính

Số chứng thực: 14519. Quyền số: SGT/BS

Ngày: 03-07-2023

CÔNG CHỨNG VIỆN



Trần Văn Thông

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

V/v: PHÊ CHUẨN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 6 năm 1994.

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993.

- Căn cứ Nghị định số 175/ CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

- Xét đơn xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 04 tháng 12 năm 1997 của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt.

- Xét biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt ngày 25 tháng 12 năm 1997.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Công ty TNHH Nông sản Đài Việt đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 25 tháng 12 năm 1997 và những nội dung đã được bổ sung theo yêu cầu.

Điều 2: Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm, bảo vệ môi trường cho công ty như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những nội dung bổ sung đã được phê chuẩn.

2. Nộp về Sở Khoa học - Công nghệ & Môi trường tỉnh Bình Dương bản thiết kế hệ thống xử lý bụi và mùi hôi của phân xưởng chế

biến thức ăn gia súc, bản thiết kế hệ thống nước thải và chất thải rắn của trại heo trước khi đi vào xây dựng.

3. Khẩn trương đầu tư kinh phí để xây dựng các hệ thống xử lý ô nhiễm như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những nội dung bổ sung đã được phê chuẩn. Trước khi đi vào hoạt động sản xuất, Chủ dự án phải xây dựng hoàn chỉnh các hệ thống xử lý ô nhiễm cho công ty.

4. Chủ dự án có trách nhiệm tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường theo pháp luật hiện hành. Nếu mở rộng quy mô sản xuất của công ty lên 1,5 lần so với quy mô đã được thẩm định theo báo cáo này thì Chủ dự án phải bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho công ty.

Điều 3: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt và những nội dung được bổ sung đã được phê chuẩn là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của công ty.

Điều 4: Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Khoa học - Công nghệ & Môi trường Bình Dương để kiểm tra.

Điều 5: Ủy nhiệm Sở Khoa học- Công nghệ & Môi trường tỉnh Bình Dương theo dõi giám sát các hoạt động của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt về mặt môi trường.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Nông sản Đài Việt
- Sở KHCN & MT Bình Dương
- Các Sở, Ban ngành có liên quan
- Lưu VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Hồng Đoàn

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Gia hạn lần 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 651/TTr-STNMT ngày 11 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Nông sản Đài Việt, địa chỉ: ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Bến Ván – sông Thị Tính;
2. Vị trí xả nước thải:
 - Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 12.43.479; Y: 06.74.493;
 - Địa chỉ: ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày;
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.350 m³/ngày đêm;
6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A với hệ số K_q = 0,9 ; K_r = 0,9 đối với các thông số pH, BOD, COD, SS, tổng N, tổng Coliform;
7. Thời hạn của giấy phép: 3 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Nông sản Đài Việt:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;
- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;
- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;
- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Bến Ván cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.
- Thông số quan trắc: các chỉ tiêu pH, BOD, COD, TSS, nitrit, nitrat, Coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.
- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Nông sản Đài Việt được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Nông sản Đài Việt còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định././

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh;
- Cục QL TNN;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Cty TNHH NS Đài Việt;
- LDVP (Lg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT_c 4

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN
ĐÀI VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- o0o -----

Số : 01/2020/MT-ĐV

Về việc thông báo tạm dừng chăn
nuôi.

Bình Dương, ngày 07 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số **3700231128** do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 29 tháng 04 năm 2020 cho Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt. Ngành nghề chính: Chăn nuôi lợn, sản xuất thức ăn gia súc, phân hữu cơ.

Hiện nay do bệnh Dịch tả lợn châu phi không có vaccine chủng ngừa và thuốc đặc trị, khiến Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc quản lý chăn nuôi và sản xuất kinh doanh, đồng thời dưới sự chỉ đạo và yêu cầu của Tổng Công Ty (Chủ đầu tư) tại Đài Loan cũng như áp dụng biện pháp hiệu quả nhất cắt đứt nguồn lây, Doanh nghiệp xin thông báo kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2020 sẽ tạm dừng hoạt động chăn nuôi 06 tháng, tức cho sát trùng và đẻ trống chuồng trong 06 tháng. Sau 06 tháng nếu Doanh nghiệp tái đàn sẽ có văn bản thông báo đến quý Cơ quan để theo dõi.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HC



CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN
ĐÀI VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- o0o -----

Số : 01/2021/TDHD-ĐV
Về việc tiếp tục tạm dừng sản xuất

Bình Dương, ngày 07 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:

- SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
- SỞ NÔNG NGHIỆP – PTNT TỈNH BÌNH DƯƠNG
- SỞ LAO ĐỘNG -TBXH TỈNH BÌNH DƯƠNG
- ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
- CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH DƯƠNG
- CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3700231128 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 29 tháng 04 năm 2020 cho Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt. Ngành nghề chính: Chăn nuôi lợn, sản xuất thức gia súc, phân hữu cơ.

Căn cứ Công Văn số 01/2020/MT-ĐV ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Công ty TNHH Nông Sản Đài Việt về việc thông báo tạm dừng chăn nuôi 06 tháng.

Đến nay, sau 06 tháng thì tình hình bệnh Dịch tả lợn châu phi vẫn chưa chuyển biến tích cực và các nhà khoa học vẫn chưa nghiên cứu ra vaccine chủng ngừa và thuốc đặc trị, khiến Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc sản xuất chăn nuôi tại trại Đài Việt. Do đó tiếp tục thực hiện chỉ đạo và yêu cầu của Tổng Công Ty (Chủ đầu tư) tại Đài Loan, cũng như áp dụng các biện pháp cắt đứt nguồn lây hiệu quả nhất, Doanh nghiệp xin thông báo tiếp tục tạm dừng hoạt động chăn nuôi và khi hoạt động trở lại sẽ có văn bản thông báo đến Quy Cơ quan để theo dõi và giám sát.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Lưu: VT, HC

TỔNG GIÁM ĐỐC



CHEN PING CHANG

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN
ĐÀI VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- o0o -----

Số : 04/2023/KPSXKD-ĐV

Về việc thông báo khôi phục hoạt
động chăn nuôi.

Bình Dương, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG
- SỞ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
- SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNN TỈNH BÌNH DƯƠNG
- SỞ LAO ĐỘNG-TBXH TỈNH BÌNH DƯƠNG
- UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
- CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số **3700231128** do Phòng
Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 06 năm 2008,
đăng ký thay đổi lần 7 ngày 16 tháng 08 năm 2022 cho Công ty TNHH Nông Sản Đài
Việt. Ngành nghề chính: Chăn nuôi lợn, sản xuất thức ăn gia súc, phân hữu cơ.

Nay bằng văn bản này, doanh nghiệp xin thông báo đến quý Cơ Quan về việc
doanh nghiệp xin khôi phục hoạt chăn nuôi kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HC

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHEN PING CHANG

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động
của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt

(Địa chỉ: ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ văn bản số 01/2019/CV-DV ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt đề nghị kiểm tra kết nối dữ liệu thiết bị đo tự động thông số độ màu tại nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Sóng Thần 1;

Hôm nay, vào lúc 15 giờ, ngày 15 tháng 10 năm 2019, chúng tôi gồm:

1. Đại diện Chi cục Bảo vệ môi trường

- Ông Phan Phục Nghiệp - Phó trưởng phòng Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục Bảo vệ môi trường;

- Ông Đoàn Duy Anh - Chuyên viên phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục Bảo vệ môi trường.

2. Đại diện Trung tâm Quan trắc Kỹ thuật – Tài nguyên và Môi trường

Ông Phạm Thanh Toàn – Nhân viên, Phòng Quan trắc Tự động.

3. Đại diện Công ty TNHH Nông sản Đài Việt

- Ông CHEN CHEN HUA – Giám đốc Công ty;

- Ông Tăng Tường Phú – Phiên dịch.

KẾT QUẢ LÀM VIỆC:

Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động 1 gồm: thiết bị đo tự động cho các thông số pH, TSS, COD và lưu lượng nước thải đầu ra; camera thân tại mương quan trắc; camera xoay trên cao để quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải; tủ lấy mẫu tự động. Đồng thời đã kết nối dữ liệu về trạm điều hành trung tâm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đến nay, Công ty tiếp tục lắp đặt bổ sung thiết bị đo thông số Amoni. Tại thời điểm kiểm tra, tín hiệu đã truyền về trạm điều hành trung tâm của Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo Báo cáo kết quả quan trắc đối chứng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của Trung tâm Quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thì độ chính xác tương đối RA của thiết bị đo Amoni nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra số liệu hiển thị tại trạm cơ sở và

số liệu hiển thị tại trạm điều hành trung tâm có độ sai số cao, cụ thể: số liệu hiển thị tại trạm cơ sở là 0,01 mg/l, số liệu hiển thị tại trạm trung tâm là 0,9 mg/l.

YÊU CẦU – KIẾN NGHỊ

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty TNHH Nông sản Đài Việt:

- Phối hợp với Trung tâm Quan trắc Kỹ thuật - Tài nguyên và Môi trường hiệu chuẩn lại thiết bị đo thông số Amoni để số liệu hiển thị tại trạm cơ sở và trạm điều hành trung tâm trùng khớp.

- Vận hành hệ thống quan trắc và giám sát nước thải tự động phải đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 56 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời không được tự ý tháo dỡ các tem đã niêm phong.

- Tăng cường bảo dưỡng, vệ sinh thiết bị như bồn trung gian, hệ thống ống dẫn nước, các đầu đo,... để hệ thống hoạt động ổn định và kết quả đo có độ chính xác cao. Trường hợp phát hiện sự cố hoặc lỗi thiết bị thì kịp thời phối hợp với Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường để khắc phục đảm bảo các số liệu liên tục truyền về trạm trung tâm; đồng thời ghi chép lại toàn bộ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, tháo tem niêm phong và sẵn sàng cung cấp khi được yêu cầu.

Biên bản gồm 02 trang, đã đọc và dịch lại cho các bên tham dự cùng nghe, thống nhất nội dung và không có ý kiến khác./.

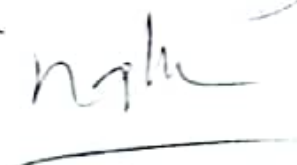
ĐẠI DIỆN
Công ty TNHH Nông
sản Đài Việt

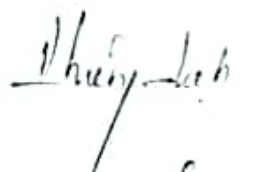

CHEN CHEN HUA

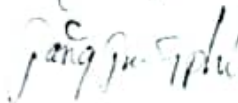
ĐẠI DIỆN
Trung tâm Quan trắc
Kỹ thuật – TN&MT


Phạm Thanh Toàn

ĐẠI DIỆN
Chi cục Bảo vệ môi
trường


Phan Phục Nghiệp





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

**Về công tác vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động
của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt**

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại Chi cục Bảo vệ môi trường chúng tôi gồm có:

Chi cục Bảo vệ môi trường:

- Ông Phan Phục Nghiệp – Phó trưởng Phòng Kiểm soát ô nhiễm;
- Ông Đoàn Duy Anh – Chuyên viên Phòng Kiểm soát ô nhiễm.

Trung tâm Quan trắc – Kỹ Thuật Tài nguyên và Môi trường:

Ông Phạm Lê Sơn – Nhân viên phòng Quan trắc tự động và Dữ liệu.

Công ty TNHH Nông sản Đài Việt :

- Chen Chen Hua – Tổng Giám đốc;
- Tăng Tường Phú – Tổng vụ.

Nội dung làm việc:

Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và truyền dữ liệu về trạm điều hành trung tâm của Sở Tài nguyên và Môi trường. Qua theo dõi cho thấy thiết bị đầu ghi camera bị lỗi không nhận nguồn điện từ tháng 01/2019, mặc dù đã được nhắc nhở nhưng đến nay Công ty vẫn chưa khắc phục (văn bản số 25/TTQTKT-QTTĐ ngày 10/01/2019 của Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường). Ngoài ra, Công ty chưa lắp đặt bổ sung thiết bị đo thông số Amoni theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 827/UBND-KTN ngày 06 tháng 3 năm 2018.

Chi cục Bảo vệ môi trường yêu cầu Công ty nhanh chóng khắc phục lỗi thiết bị đầu ghi camera và lắp đặt bổ sung thiết bị đo thông số Amoni theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký biên bản này. Hết thời hạn nêu trên, nếu Công ty vẫn chưa hoàn thành thì Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ kiểm tra và xử phạt theo đúng Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ.

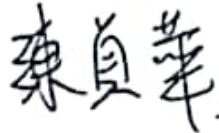
Ý kiến của Công ty:

Lỗi thiết bị đầu ghi camera hiện nay đã được khắc phục xong, Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm Quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường để kết nối tín hiệu lại. Đối với thiết bị đo Amoni, do trong quy chuẩn nước thải chăn nuôi không có quy định thông số Amoni nên Công ty chưa lắp đặt, sau khi nghe Chi cục Bảo vệ

môi trường giải thích Công ty đã nắm rõ và sẽ tìm nhà thầu lắp đặt theo đúng yêu cầu của Chi cục Bảo vệ môi trường.

Biên bản được lập vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày tại Chi cục Bảo vệ môi trường, gồm 02 trang, đã được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe, thống nhất nội dung và không có ý kiến khác.

Đại diện
Công ty TNHH Nông sản
Đài Việt



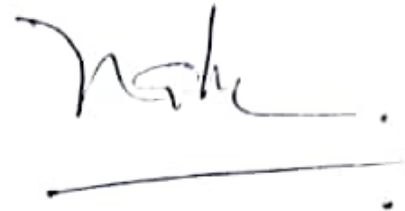
Chen Chen Hua

Đại diện
Trung tâm Quan trắc



Phạm Lê Sơn

Đại diện
Chi cục BVMT



Phan Phục Nghiệp

Số: 966 /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 16 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận Công ty TNHH Nông sản Đài Việt đã hoàn thành việc thực hiện các biện pháp xử lý triệt để theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tổ chức hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2013;

Xét văn bản ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt xin chứng nhận đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để theo Quyết định số: 966/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận Công ty TNHH Nông sản Đài Việt đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để theo Quyết định số: 966/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Công ty TNHH Nông sản Đài Việt có trách nhiệm tiếp tục duy trì các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo đảm toàn bộ các chất thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Nông sản Đài Việt;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện Bến Cát (để biết);
- UBND xã Lai Hưng (để biết);
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, Mq6.

GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số: /STNMT-CCBVM
V/v chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm
triệt để của Công ty TNHH Nông sản
Đài Việt

Bình Dương, ngày 21 tháng 7 năm 2013

Kính gửi: Công ty TNHH Nông sản Đài Việt

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường triệt để của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt. Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến trả lời như sau:

Công ty TNHH Nông sản Đài Việt nằm trong danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng năm 2013 theo Quyết định số: 966/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại Quyết định số: 10/2006/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 08 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì hồ sơ xin chứng nhận cơ sở hoàn thành khắc phục ô nhiễm môi trường triệt để bao gồm:

- Đơn đề nghị chứng nhận cơ sở đã hoàn thành cơ sở hoàn thành khắc phục ô nhiễm môi trường triệt để theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của quyết định;
- Báo cáo kết quả xử lý ô nhiễm môi trường triệt để của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của quyết định;
- Bảng kết quả phân tích các thông số môi trường được thực hiện bởi đơn vị chuyên môn có chức năng hoạt động trong lĩnh vực phân tích chất lượng môi trường, thời điểm lấy mẫu phân tích và đánh giá không quá 90 ngày trước khi nộp hồ sơ đề nghị chứng nhận;
- Bản sao Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Tuy nhiên, hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận cơ sở hoàn thành khắc phục ô nhiễm môi trường triệt để của Công ty chưa thực hiện theo đúng quy định, cụ thể: đơn đề nghị chứng nhận cơ sở đã hoàn thành cơ sở hoàn thành khắc phục ô nhiễm môi trường triệt để chưa theo mẫu quy định, chưa cung cấp báo cáo kết quả xử lý ô nhiễm môi trường triệt để và bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa tiến hành kiểm tra theo như đề nghị của Công ty.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty TNHH Nông sản Đài Việt lập lại hồ sơ xin chứng nhận cơ sở hoàn thành khắc phục ô nhiễm môi trường triệt để theo đúng quy định tại Quyết định số: 10/2006/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 08 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: lập đơn đề nghị

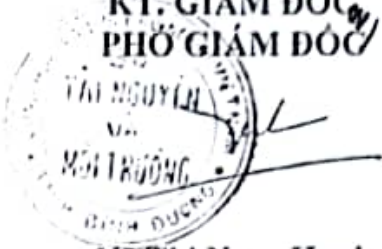
chứng nhận cơ sở hoàn thành khắc phục ô nhiễm môi trường triệt để theo mẫu quy định, bổ sung báo cáo kết quả xử lý ô nhiễm môi trường triệt để và bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Sau khi Công ty lập hồ sơ theo đúng quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiến hành kiểm tra chứng nhận cơ sở hoàn thành khắc phục ô nhiễm môi trường triệt để cho Công ty.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Nông sản Đài Việt để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, CCBVMT, Mq4

KT. GIÁM ĐỐC
PHÒ GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Ngọc Hạnh



SỐ: ... /STNMT-CCBVM
V/v ý kiến đối với việc khắc phục ô nhiễm môi
trường của Công ty TNHH Nông sản Đại Việt

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 2013

Kính gửi: Công ty TNHH Nông sản Đại Việt

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường triệt để theo Quyết định số: 966/QĐ-UBND ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với Công ty TNHH Nông sản Đại Việt. Sau khi xem xét và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Theo Quyết định số: 966/QĐ-UBND ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Công ty TNHH Nông sản Đại Việt phải cải tạo lại công trình xử lý nước thải, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đã tiến hành cải tạo công trình xử lý nước thải bằng cách bổ sung thêm cụm công trình hồ sinh học với thể tích khoảng 400 m³ và xử lý chế phẩm men vi sinh Bio - Force để tăng cường hiệu quả xử lý. Hiện tại tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong Công ty khoảng 1.000 m³/ngày được thu gom về công trình xử lý nước thải với công suất xử lý 1.100 m³/ngày gồm các hạng mục như sau:

Nước thải => Hệ thống tách phân => Bể gom => Bể xử lý Biogas (07 bể) => Bể ổn định (06 bể) => Bể xử lý sinh học hiếu khí (04 bể) => Bể lắng => 02 cụm bể xử lý sinh học, bổ sung chế phẩm men vi sinh => Thải ra môi trường (suối Bến Ván).

Tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra ngày 02 tháng 8 năm 2013, nước thải sau công trình xử lý có chỉ tiêu pH chưa đạt quy chuẩn thải ra môi trường. Ngoài ra, tại hố ga sau bể lắng trước khi bơm về 02 cụm bể sinh học, Công ty có lắp đặt đường ống dẫn nối nước thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước mưa không đúng quy định. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa cấp giấy chứng nhận cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường triệt để cho Công ty.

Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH Nông sản Đại Việt xem xét lại chế độ vận hành công trình xử lý nước thải và tháo dỡ đường ống dẫn nối nước thải ra hệ thống thoát nước mưa tại hố ga sau bể lắng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom xử lý đạt quy chuẩn thải ra môi trường. Sau khi hoàn thành xong, đề nghị Công ty có văn bản gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xem xét.

Thời gian thực hiện là 01 tháng kể từ ngày ký văn bản này.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với việc khắc phục ô nhiễm của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt, chuyển đến Công ty để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Ban giám đốc (báo cáo)
- Lưu: VT, CCBVMT, KS, Mq 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thị Ngọc Hạnh



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÂY DỰNG

Công trình : Công ty TNHH nông sản Đài Việt

Địa chỉ : xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Hôm nay vào lúc 09h00, ngày 02/03/2000.

Chúng tôi gồm có :

- Bà Đoàn Bích Thủy : ĐD. Sở Xây Dựng.
- Ông Lê Hữu Nhơn : ĐD. Sở Xây Dựng.
- Ông Lin-Shih-Chi : GD Công ty.

Chúng tôi cùng tiến hành kiểm tra xây dựng hạng mục công trình của Công ty TNHH nông sản Đài Việt.

Qua hồ sơ hiện có và kiểm tra thực tế chúng tôi nhận thấy như sau :

I/- HỒ SƠ THỦ TỤC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH :

1/- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 115/QSDĐ/1998 ngày 24/01/1998 với tổng diện tích 460.79^o 10m².

2/- Giấy phép đầu tư số 1965/GP ngày 08/8/1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

3/. Quyết định của UBND tỉnh v/v Phê duyệt báo cáo thẩm định hồ sơ TKKT công trình Trại chăn nuôi heo Đài Việt số 1987/QĐ-UB ngày 28/5/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

4/. Quyết định của UBND tỉnh v/v Phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH nông sản Đài Việt số 10/QĐ-UB ngày 05/01/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

II/- PHẦN KIỂM TRA HẠNG MỤC ĐÃ XÂY DỰNG :

*** Chuồng heo nuôi đực :**

- Nhà trệt cấp III.
- Diện tích xây dựng : 1.152,00m².
- Cấu trúc : Móng BTCT, cột sắt, cửa kính khung nhôm, nền xi măng đổ bê tông, mái lợp tole, đòn tay vì kèo bằng sắt định hình, vách ngăn xây gạch+tấm ny lông trắng.

III/- CÁC KIỂM TRA KHÁC :

- Phòng cháy chữa cháy cho công trình : Không kiểm tra.
- Vệ sinh môi trường : Không kiểm tra.
- Kết cấu, chất lượng và độ bền của công trình : Không kiểm tra.
- Phần cấp nước : Công ty có khoan giếng để sử dụng.
- Phần thoát nước : Công ty có hệ thống thoát nước qua các hố ga.

IV/- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ :

1/- Nhìn chung về mặt quy hoạch tổng thể kiến trúc công trình đạt yêu cầu sử dụng. Riêng phần chất lượng và kết cấu công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

2/- Phần PCCC Công ty TNHH nông sản Đài Việt cần liên hệ với phòng Cảnh sát PCCC Bình Dương để được hướng dẫn thực hiện.

3/- Phần tác động môi trường Công ty TNHH nông sản Đài Việt phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường và được Sở Khoa học-Công nghệ & Môi trường phê duyệt và thực hiện theo quyết định phê duyệt.

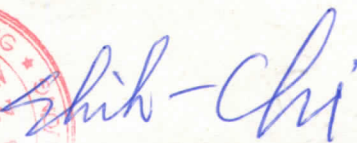
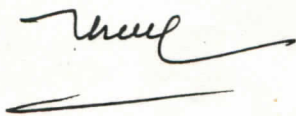
4/- Đơn vị sản xuất, thi công khung kèo thép và chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình.

5/- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện Luật Đất đai đối với Công ty theo qui định hiện hành.

6/- Đề nghị Ban giám đốc Sở Xây Dựng Bình Dương chấp thuận hiện trạng công trình đã xây dựng sau khi thực hiện các yêu cầu trên.

Đ/D Sở Xây dựng

Đ/D. Công ty TNHH nông sản Đài Việt



Đoàn Bích Thủy - Lê Hữu Nhơn

LIN.SHIH-CHI

**SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số : 118 / CV-XD

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2000.

*V/v Kiểm tra xây dựng
các hạng mục công trình*

Kính gửi : Công ty TNHH nông sản Đài Việt
Địa chỉ : xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Căn cứ quyết định số 120/QĐ-UB ngày 09/01/1997 của UBND tỉnh Bình Dương v/v qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây Dựng Bình Dương.
- Căn cứ quyết định số 198/QĐ-UB ngày 20/01/1997 của UBND tỉnh Bình Dương v/v ban hành bản qui định cấp giấy phép xây dựng các công trình trên địa bàn Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ quyết định số 255/QĐ-UB ngày 27/01/1997 của UBND tỉnh Bình Dương v/v Ban hành bản quy định tạm thời về quản lý Nhà Nước đối với nhà ở đô thị, nhà ở các xã và nhà xưởng thuộc tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ biên bản kiểm tra xây dựng số 115/BB-XD ngày 02/3/2000 của Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương.
- Qua xem xét hồ sơ bản vẽ xây dựng.

SỞ XÂY DỰNG CÓ Ý KIẾN NHƯ SAU :

I/- HANG MUC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG :

*** Chuồng heo nuôi đực :**

- Nhà trệt cấp III.
- Diện tích xây dựng : 1.152,00m².
- Cấu trúc : Móng BTCT, cột sắt, cửa kính khung nhôm, nền xi măng đổ bê tông, mái lợp tole, đòn tay vì kèo bằng sắt định hình, vách ngăn xây gạch+tấm ny lông trắng.

II/- ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :

- Công trình được xây dựng tại xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 115/QSDĐ/1998 ngày 24/01/1998 với tổng diện tích 460.799,10m².

III/- Ý KIẾN KẾT LUẬN :

1/- Nhìn chung về mặt quy hoạch tổng thể kiến trúc công trình đạt yêu cầu sử dụng. Riêng phần chất lượng và kết cấu công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

2/- Công ty TNHH nông sản Đài Việt được phép đưa công trình vào sử dụng theo nội dung phần I và theo qui định chung.

IV/- CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT :

1/- Phải đảm bảo an toàn PCCC theo đúng qui định của công an PCCC tỉnh Bình Dương.

2/- Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường xung quanh.

3/- Phần tác động đến môi trường Công ty TNHH nông sản Đài Việt liên hệ Sở Khoa học-Công nghệ & Môi trường để được hướng dẫn thực hiện.

4/- Bảo đảm an toàn sử dụng điện theo quy định.

5/- Chủ đầu tư công trình chịu trách nhiệm về an toàn, bền vững công trình.

- Mọi vi phạm chủ công trình hoàn toàn chịu trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật hiện hành .

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nơi nhận :

- UBND Tỉnh (b/c).
- Như trên.
- UBND huyện Bến Cát.
- Lưu v/p.



Nguyễn Văn Khiếu

SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



Số : 498.../BC-XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

Bình Dương, ngày...27...tháng...5...năm 1998

BÁO CÁO VỀ VIỆC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH : TRẠI CHĂN NUÔI HEO ĐÀI VIỆT (Giai đoạn 2).

KÍNH GỬI : ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào đơn và hồ sơ trình thẩm định TKKT công trình : Trại chăn nuôi heo Đài Việt (giai đoạn 2) .

- Căn cứ các qui định về thẩm định TKKT thuộc các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong Nghị Định 12/CP ngày 18/02/1997 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông Tư số 01/BXD-CSXD ngày 15/04/1997 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài và nhà thầu nước ngoài vào nhân thầu xây dựng tại Việt Nam .

Sau khi nghiên cứu hồ sơ thẩm định TKKT công trình trên và đối chiếu với các qui định hiện hành. Sở Xây Dựng Tỉnh Bình Dương thông báo kết quả thẩm định như sau :

1/ Công nhân chủ đầu tư đã nộp các hồ sơ trình thẩm định TKKT theo qui định gồm :

- Giấy phép đầu tư số 1965/GP ngày 08/08/1997 do Bộ Kế Hoạch và Đầu tư cấp
- Hợp đồng thuê đất số 01/HĐ/TĐ ngày 03/01/1998 giữa Sở Địa Chính Tỉnh Bình Dương và công ty TNHH nông sản Đài Việt .
- Quyết định số 10/QĐ-UB ngày 05/01/1998 của UBND Tỉnh Bình Dương, v/v phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường công ty TNHH nông sản Đài Việt
- Công văn số 42/ 1998-CV-PCCC ngày 22/04/1998 của công an Tỉnh Bình Dương, v/v thẩm định PCCC trại chăn nuôi heo của công ty TNHH nông sản Đài Việt .
- Báo cáo địa chất công trình trại heo Đài Việt do chi nhánh công ty tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam thuộc Bộ Xây Dựng lập tháng 11/1997
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình trên do chi nhánh phía Nam của công ty tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam Bộ Xây Dựng lập .
- Đơn xin thẩm kế và cấp phép xây dựng (giai đoạn 2) công trình trại chăn nuôi heo Đài Việt số 11/ CV-98 ngày 11/04/1998 của công ty TNHH nông sản Đài Việt

2/ Hồ sơ trình thẩm định TKKT đã đạt được các yêu cầu theo qui định như sau :

a/ Về tư cách pháp nhân của tổ chức thiết kế, khảo sát địa chất, thẩm tra thiết kế

- Chi nhánh phía Nam của công ty tư vấn Xây Dựng dân dụng Việt Nam thuộc Bộ Xây Dựng đủ tư cách pháp nhân lập hồ sơ TKKT và lập báo cáo địa chất công trình trên .

b/ Về nội dung thiết kế qui hoạch và kiến trúc

- Các hạng mục công trình trại chăn nuôi heo Đai Việt (giai đoạn 2) xây dựng tại ấp Bến Ván - xã Lai Hưng - huyện Bến Cát, phù hợp quy hoạch vùng tỉnh Bình Dương.

QUY MÔ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2 GỒM

b.1- Chuồng heo đực giống A1 : Số lượng 02 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD: 178,5m².
- Kết cấu: Móng, cột BTCT. Nền BT sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa kính khung nhôm, cửa sắt và khung sắt .

b.2- Sân thả A2 : Số lượng 02 sân. Mỗi sân có quy mô :

- DTXD: 151,3m²
- Kết cấu: Móng bê tông, cột và giàn bằng thép ống mạ nhúng kẽm. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn Sika. Cửa sắt và khung sắt .

b.3- Chuồng heo nái khô A3 : Số lượng 02 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 463,25 m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn, xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt .

b.4- Chuồng heo mang thai A4 : Số lượng 02 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD : 481,505m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt .

b.5/ Chuồng heo sinh sản A5 : Số lượng 04 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 472,65m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika bên trên có lớp lưới thép tráng kẽm. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt .

b.6/ Chuồng heo giai đoạn nuôi dưỡng A6 : Số lượng 02 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 409,19m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika, bên trên có lớp lưới thép tráng kẽm. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt .

b.7/ Chuồng heo thử nghiệm A7 : Số lượng 09 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 480,00m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt .

b.8/ Chuồng heo đang tăng trưởng và heo thành phẩm A8 : Số lượng 07 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 676,80m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt .

b.9/ Phòng cân heo A9 : Số lượng 02 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 78,12m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp . Cửa sắt và khung sắt .

b.10/ Phòng thay quần áo A10 : Số lượng 01 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 58,4m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch chống trượt. Tường gạch ốp gạch men kính. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

b.11/ Phòng thú y A11 : Số lượng 02 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 60m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch ceramic . Tường xây gạch. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

b.12/ Phòng quản lý A12 : Số lượng 02 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 55m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

b.13/ Chuồng heo đực giống B1 : Số lượng 04 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 249,9m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái . Cửa kính khung nhôm, Cửa sắt và khung sắt .

b.14/ Sân thả B2 : Số lượng 04 sân. Mỗi sân có quy mô :

- DTXD : 231,2m²
- Kết cấu : Móng bê tông, cột và giàn bằng thép ống mạ nhúng kẽm. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn Sika. Cửa sắt và khung sắt .

b.15/ Chuồng heo nái khô B3 : Số lượng 04 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 762,45m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái . Cửa sắt và khung sắt .

b.16/ Chuồng heo mang thai B4 : Số lượng 08 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 724,43m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái . Cửa sắt và khung sắt .

b.17/ Chuồng heo sinh sản B5 . Số lượng 08 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 691,05m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika, bên trên có lớp lưới thép tráng kẽm. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp . Cửa sắt và khung sắt .

b.18/ Chuồng heo thịt công nghiệp B6 : Số lượng 04 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 747,83m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika, bên trên có lớp lưới thép tráng kẽm. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp . Cửa sắt và khung sắt .

b.19/ Chuồng heo đang tăng trưởng B7 : Số lượng 08 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 1.080m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp, có cửa mái . Cửa sắt và khung sắt .

b.20/ Chuồng heo đang tăng trưởng và heo thành phẩm B8 : Số lượng 16 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 1.080m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp, có cửa mái . Cửa sắt và khung sắt .

b.21/ Phòng cân heo B9 : Số lượng 04 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 108,36m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt .

b.22/ Phòng thay quần áo B10 : Số lượng 02 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 58,40m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch chống trượt. Tường gạch ốp gạch men kính. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

b.23/ Phòng thú y B11 : Số lượng 04 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 85m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

b.24/ Phòng quản lý B12 : Số lượng 04 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 55m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

b.25/ Tháp nước : Gồm tháp nước và phòng máy bơm .

- Thể tích : 75m³ , cao 16m
- DTXD : 10,125m²
- Kết cấu : Móng, cột tháp bằng BTCT. Chống thấm cho tháp theo quy trình của Sika. Phòng máy bơm : Nền láng xi măng. Tường BTCT quét vôi, cửa kính khung nhôm .

b.26/ Bể nước :

- Thể tích : 720m³
- Kết cấu : Bằng BTCT. Chôn ngầm dưới mặt đất 2m , nổi trên mặt đất 1m

Các hạng mục công trình có hệ thống điện và hệ thống cấp thoát nước .

c/ Về sự tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế và an toàn công trình :

Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam. Đạt yêu cầu.

Về an toàn công trình : Móng công trình phải được đặt trên nền đất tự nhiên. Vì vậy khi thi công xây dựng những hạng mục hay những móng của công trình có vị trí nằm trên nền đất đắp, Chủ đầu tư phải báo cho đơn vị thiết kế biết để xử lý, và yêu cầu đơn vị thiết kế bổ sung hồ sơ thiết kế xử lý thích hợp, an toàn cho kết cấu móng trước khi khởi công xây dựng công trình .

Chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo tinh thần công văn số 42/ 1998 CV.PCCC ngày 22/04/1998 của công an Tỉnh Bình Dương .

Trước khi tiến hành thi công, Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế phải bổ sung hệ thống thu lôi chống sét cho toàn bộ khu chuồng trại .

NƠI NHẬN :

- Như trên .
- Cty TNHH nông sản Đài Việt .
- Lưu .

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG



Nguyễn Văn Nhiên

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

V/V: PHÊ DUYỆT BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH : TRẠI CHĂN NUÔI HEO ĐÀI VIỆT (Giai đoạn 2).

ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND ngày 21/06/1994.
- Căn cứ luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
- Căn cứ vào Nghị Định số 12/GP ngày 18/02/1997 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông Tư số 01/BXD-CSXD ngày 15/04/1997 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng " Hướng dẫn về quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư nước ngoài và nhà thầu nước ngoài nhận thầu xây dựng tại Việt Nam"
- Xét báo cáo thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình: Trại chăn nuôi heo Đài Việt (Giai đoạn 2).

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I:

Chấp thuận thiết kế kỹ thuật công trình Trại chăn nuôi heo Đài Việt (Giai đoạn 2). Gồm các hạng mục sau:

b.1- Chuồng heo đực giống A1 : Số lượng 02 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD: 178,5m²
- Kết cấu: Móng, cột BTCT. Nền BT sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa kính khung nhôm, cửa sắt và khung sắt.

b.2- Sân thả A2 : Số lượng 02 sân. Mỗi sân có quy mô :

- DTXD: 151,3m²
- Kết cấu: Móng bê tông, cột và giàn bằng thép ống mạ nhúng kẽm. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn Sika. Cửa sắt và khung sắt.

b.3- Chuồng heo nái khô A3 : Số lượng 02 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD: 463,25 m².



A-4
怀孕母猪舍
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn, xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt.

b.4/ Chuồng heo mang thai A4 : Số lượng 02 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD : 481,505m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt.

A-5
分娩母猪舍
b.5/ Chuồng heo sinh sản A5 : Số lượng 04 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD : 472,65m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika bên trên có lớp lưới thép tráng kẽm. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt.



A-6
保育舍
b.6/ Chuồng heo giai đoạn nuôi dưỡng A6 : Số lượng 02 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD : 409,19m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika, bên trên có lớp lưới thép tráng kẽm. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt.

A-7
检查舍
b.7/ Chuồng heo thử nghiệm A7 : Số lượng 09 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD : 480,00m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt.

A-8
生长舍
b.8/ Chuồng heo đang tăng trưởng và heo thành phẩm A8 : Số lượng 07 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD : 676,80m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt.

A-9
防疫检查舍
b.9/ Phòng cân heo A9 : Số lượng 02 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD : 78,12m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt.

A-10
B-2
b.10/ Phòng thay quần áo A10 : Số lượng 01 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 58,4m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch chống trượt. Tường gạch ốp gạch men kính. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

A-11
B-3
b.11/ Phòng thú y A11 : Số lượng 02 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 60m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch ceramic . Tường xây gạch. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

A-12
B-4
b.12/ Phòng quản lý A12 : Số lượng 02 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 55m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm .

B-1
b.13/ Chuồng heo đực giống B1 : Số lượng 04 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 249,9m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái . Cửa kính khung nhôm, Cửa sắt và khung sắt .

B-2
b.14/ Sân thả B2 : Số lượng 04 sân. Mỗi sân có quy mô :

- DTXD : 231,2m²
- Kết cấu : Móng bê tông, cột và giàn bằng thép ống mạ nhúng kẽm. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn Sika. Cửa sắt và khung sắt .

B-3
b.15/ Chuồng heo nái khô B3 : Số lượng 04 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III
- DTXD : 762,45m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái . Cửa sắt và khung sắt .

B-4
b.16/ Chuồng heo mang thai B4 : Số lượng 08 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 724,43m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp có cửa mái . Cửa sắt và khung sắt .

B-5
b.17/ Chuồng heo sinh sản B5 : Số lượng 08 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III .
- DTXD : 691,05m².

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika, bên trên có lớp lưới thép tráng kẽm. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt.

B-6
B-7
B-8
B-9
B-10
B-11
B-12
b.18/ Chuồng heo thịt công nghiệp B6 : Số lượng 04 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III

- DTXD : 747,83m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika, bên trên có lớp lưới thép tráng kẽm. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt.

b.19/ Chuồng heo đang tăng trưởng B7 : Số lượng 08 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III

- DTXD : 1.080m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp, có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt.

b.20/ Chuồng heo đang tăng trưởng và heo thành phẩm B8 : Số lượng 16 căn. Mỗi căn có quy mô :

- Nhà trệt cấp III

- DTXD : 1.080m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp, có cửa mái. Cửa sắt và khung sắt.

b.21/ Phòng cân heo B9 : Số lượng 04 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III

- DTXD : 108,36m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền bê tông sử dụng phụ gia chống ăn mòn của Sika. Tường ngăn xây gạch. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, xà gỗ nhôm kẽm, kèo thép chữ I tổ hợp. Cửa sắt và khung sắt.

b.22/ Phòng thay quần áo B10 : Số lượng 02 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III

- DTXD : 58,40m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch chống trượt. Tường gạch ốp gạch men kính. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm.

b.23/ Phòng thú y B11 : Số lượng 04 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III

- DTXD : 85m²

- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm.

b.24/ Phòng quản lý B12 : Số lượng 04 phòng. Mỗi phòng có quy mô :

- Nhà trệt cấp III



- DTXD : 55m²
- Kết cấu : Móng, cột BTCT. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Mái bằng BTCT lát gạch sét nung. Cửa kính khung nhôm.

b.25/ Tháp nước : Gồm tháp nước và phòng máy bơm.
- Thể tích : 75m³, cao 16m
- DTXD : 10,125m²
- Kết cấu : Móng, cột tháp bằng BTCT. Chống thấm cho tháp theo quy trình của Sika. Phòng máy bơm : Nền láng ximăng. Tường BTCT quét vôi, cửa kính khung nhôm.

b.26/ Bể nước :
- Thể tích : 720m³
- Kết cấu : Bằng BTCT. Chôn ngầm dưới mặt đất 2m, nổi trên mặt đất 1m

Các hạng mục công trình có hệ thống điện và hệ thống cấp thoát nước.

Công trình xây dựng tại ấp Bến Ván - Xã Lai Hưng - Huyện Bến Cát - Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 01/HĐ/TE ngày 03/01/1998 giữa Sở Địa Chính Tỉnh Bình Dương và công ty TNHH nông sản Đài Việt.

Chủ đầu tư là : Công ty TNHH nông sản Đài Việt.

Có địa chỉ tại : Ấp Bến Ván - Xã Lai Hưng - Huyện Bến Cát - Tỉnh Bình Dương

Được phép đầu tư XD theo giấy phép đầu tư số : 1965/GP ngày 08/08/1997 do Bộ Xây Dựng cấp.

ĐIỀU II:

Công trình được tiến hành XD theo thiết kế đã được thẩm định và theo văn bản này kể từ ngày tháng năm 1998 với các điều kiện sau:

1/ Mặt bằng công trình đã được đền bù, giải phóng và có văn bản bàn giao của địa phương.

2/ Đã chuẩn bị điều kiện an toàn XD để khởi công xây dựng công trình.

3/ Đã có thông báo ngày khởi công cho UBND cấp Tỉnh và Huyện Sở tại trước khi khởi công XD công trình.

ĐIỀU III:

Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật VN nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan khi tiến hành xây dựng công trình và phải thực hiện các qui định khác của pháp luật Việt Nam liên quan.



Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, sau 1 năm công trình chưa được tiến hành xây dựng hoặc đã khởi công xây dựng nhưng để ngất quãng trên 1 năm thì chủ đầu tư phải báo cáo lý do và xin gia hạn.

NƠI NHẬN:

- Như trên,
- Sở Xây Dựng.
- UBND Huyện Bến Cát.
- Ban QL khu CN.
- Lưu văn phòng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH

Phạm Hồng Duyệt



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 711/QĐ-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- 000 -----

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 1999



QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và xây dựng

Công trình: Trại chăn nuôi heo Đài Việt (giai đoạn 3)

**Hạng mục: Trạm chế biến thức ăn cho heo của
công ty TNHH nông sản Đài Việt**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND ngày 21/06/1994.
- Căn cứ luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Căn cứ Nghị định số: 12/CP, ngày 18/02/1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số: 01/BXD-CSXD, ngày 15/04/1997 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng "Hướng dẫn về quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư nước ngoài và nhà thầu nước ngoài nhận thầu xây dựng tại Việt Nam".
- Xét hồ sơ thẩm định thiết kế công trình trên Kèm báo cáo số: 10.1/BC-XD ngày 25/02/1999 của Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chấp thuận thiết kế kỹ thuật công trình: trại chăn nuôi heo Đài Việt. Hạng mục: trạm chế biến thức ăn cho heo của công ty TNHH nông sản Đài Việt, có quy mô và cấu trúc như sau:

- Quy mô : Nhà công nghiệp 1 tầng, cấp 3. Riêng khu vực sản xuất cao 5 tầng thông suốt.

- 
- Diện tích xây dựng : 1.728m².
 - Cấu trúc : Móng, nền bằng BTCT. Cột, kèo, đòn tay, giằng, khung vách bằng thép tiền chế. Mái lợp tole. Tường bao bằng khung sắt ốp tole. Cửa đi sắt cuốn, cửa sổ sắt kính.

Công trình có thiết kế hệ thống điện, nước và thu lôi chống sét.

Công trình xây dựng tại: xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số: 01/HĐTD ngày 03/01/1998 giữa Sở Địa Chính tỉnh Bình Dương và công ty TNHH nông sản Đài Việt.

Chủ đầu tư là: Công ty TNHH nông sản Đài Việt.

Có địa chỉ tại: xã Lai Hưng - huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Được phép đầu tư xây dựng theo giấy phép đầu tư số 1965/GP ngày 08/08/1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Điều 2: Công trình được tiến hành xây dựng theo thiết kế đã được thẩm định và theo văn bản này kể từ ngày 27 tháng 02 năm 1999. Quyết định này thay thế giấy phép xây dựng. Với các điều kiện sau:

1/ Mặt bằng công trình đã được đền bù, giải phóng và có văn bản bàn giao của địa phương.

2/ Đã chuẩn bị điều kiện an toàn xây dựng để khởi công xây dựng công trình.

3/ Đã có thông báo ngày giờ khởi công cho UBND cấp Tỉnh và Huyện sở tại trước khi khởi công xây dựng công trình.

Điều 3: Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan khi tiến hành xây dựng công trình và phải thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, sau 1 năm công trình chưa được tiến hành xây dựng hoặc đã khởi công xây dựng nhưng để ngắt quãng trên 1 năm thì chủ đầu tư phải báo cáo lý do và xin gia hạn.

K/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên.
- Sở Xây Dựng.
- UBND huyện Bến Cát.
- BQL các khu công nghiệp BD.
- Văn phòng (để Lưu).



Phan Hồng Đoàn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

☞ ☞ ☞

Số: 101 /BC-XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

000

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 1999

BÁO CÁO

Về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật

Công trình: Trại chăn nuôi heo Đài Việt (giai đoạn 3)

Hạng mục: Trạm chế biến thức ăn cho heo của công ty TNHH nông sản Đài Việt

Địa điểm xây dựng: Xã Lai Hưng - huyện Bến Cát - tỉnh Bình Dương.

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ vào hồ sơ trình thẩm định TKKT công trình: Trại chăn nuôi heo Đà Việt. Hạng mục: Trạm chế biến thức ăn cho heo của công ty TNHH nông sản Đà Việt.

- Căn cứ các quy định về thẩm định TKKT thuộc các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong Nghị định 12/CP, ngày 18/02/1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số: 01/BXD-CSXD, ngày 15/04/1997 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài và nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng tại Việt Nam

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ thẩm định TKKT công trình trên và đối chiếu với các quy định hiện hành, Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương thông báo kết quả thẩm định như sau:

1/ Công nhận chủ đầu tư đã nộp các hồ sơ trình thẩm định TKKT theo quy định gồm:

- Tờ trình xin thẩm định TKKT và xin phép xây dựng số 07/99-ĐV ngày 20/01/1999 của công ty TNHH nông sản Đài Việt.

- Giấy phép đầu tư số 1965/GP ngày 08/08/1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.



- Quyết định số: 10/QĐ-UB ngày 05/01/1998 của UBND tỉnh Bình Dương v/v phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường công ty TNHH nông sản Đài Việt.

- Hợp đồng thuê đất số 01/HĐ-TĐ ngày 03/01/1998 giữa Sở Địa Chính tỉnh Bình Dương và công ty TNHH nông sản Đài Việt.

- Công văn số 14/1999/CV-PCCC ngày 02/02/1999 của công an phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương.

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hạng mục: Trạm chế biến thức ăn cho heo do công ty tư vấn xây dựng tỉnh Bình Dương lập, kèm theo tài liệu báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình do chi nhánh công ty tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam - Bộ Xây Dựng lập tháng 11/1997.

2/ Hồ sơ trình thẩm định TKKT đã đạt được các yêu cầu theo quy định như sau:

a) Về tư cách pháp nhân của tổ chức thiết kế, khảo sát địa chất, thẩm tra thiết kế:

- Công ty tư vấn xây dựng tỉnh Bình Dương đủ tư cách pháp nhân lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình trên.

- Công ty tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam thuộc Bộ Xây Dựng đủ tư cách lập hồ sơ khảo sát địa chất công trình trên.

b) Về nội dung thiết kế quy hoạch và kiến trúc:

Hạng mục: Trạm chế biến thức ăn cho heo của công ty TNHH nông sản Đài Việt có quy mô và cấu trúc như sau:

- Qui mô : Nhà công nghiệp 1 tầng, cấp 3. Riêng khu vực sản xuất cao 5 tầng thông suốt.

- Diện tích xây dựng : 1.728m².

- Cấu trúc : Móng, nền bằng BTCT. Cột, kèo, đòn tay, giằng, khung vách bằng thép tiền chế. Mái lợp tole. Tường bao bằng khung sắt ốp tole. Cửa đi sắt cuốn, cửa sổ sắt kính.

Công trình có thiết kế hệ thống điện, nước và thu lôi chống sét.

c) Về sự tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế và an toàn công trình:

Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam đạt yêu cầu.

Về an toàn công trình:

Toàn bộ các cấu kiện cột, khung kèo, giằng, xà gồ, kết cấu vách sử dụng cấu kiện tiền chế nên chủ đầu tư và đơn vị sản xuất phải tự chịu trách nhiệm về độ an toàn, bền vững, và chất lượng của cấu kiện trong quá trình sử dụng và lắp dựng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Công ty TNHH nông sản Đài Việt.
- VP (để lưu).



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Văn Nhiều



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ XÂY DỰNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1676 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT.

- Địa chỉ trụ sở chính: ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng hạng mục công trình Trại Heo giai đoạn tiếp theo.

- Tên công trình: Trại Heo giai đoạn tiếp theo.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-03); KT(01-03); KC(01-03).

- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Tạo lập.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.

+ Chỉ giới đường đỏ: 21m tính từ tim đường ĐH610.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị các hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Các hạng mục công trình gồm:

2.1. Chuồng heo:

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III; Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích: $(13,7 \times 50,2) = 687,74m^2$.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): $\pm 0,0m$.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 6m.

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng, chân cột bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch lửng. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, kèo thép. Cửa sắt.

2.2. Các công trình khác: Công trình có sơ đồ thoát nước.

3. Giấy tờ về đất đai:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 938946, số vào sổ cấp GCN: 115 QSDĐ/1998 ngày 24/01/1998, do UBND tỉnh Bình Dương cấp, diện tích khu đất 460.799,1m²; Mục đích sử dụng: sản xuất lợn giống, lợn thịt, thức ăn gia súc và phân bón; Thời hạn sử dụng đất: 30 năm kể từ ngày 08/8/1997.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, Th. *hauel*

KT. GIÁM ĐỐC *gme*

PHÓ GIÁM ĐỐC



17
Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



Số: 224 / TD-PCCC (.....)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 25/ 8 / 2010
của: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT

Người đại diện là ông/ bà: Huang Jung Chun Chức danh Tổng giám đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) CẢI TẠO HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

Địa điểm: Lai Hưng, Bến Cát, Bình Dương -

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH nông sản Đài Việt

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Hạ Long

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

- Thi công theo đúng thiết kế được duyệt

- Tổ chức nghiệm thu hệ thống PCCC trước khi đưa vào sử dụng theo điều 16 Luật PCCC.

Thủ Dấu Một ngày 07 tháng 9 năm 2010

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo)

- Công ty TNHH nông sản Đài Việt

- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương



Thượng tá Lê Anh Viên

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

Số: 241 /PCCC&CNCH

Thủ Dầu Một, ngày 12 tháng 10 năm 2010

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Nông sản Đài Việt

Theo công văn đề nghị số 02/10/CV ngày 26 tháng 9 năm 2010 của Công ty TNHH Nông sản Đài Việt về việc nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy cho khu nhà xưởng chế biến thức ăn gia súc. Địa chỉ: xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào giấy chứng nhận thẩm duyệt số 334/TD-PCCC ngày 07/09/2010; hồ sơ và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy do đại diện các bên liên quan lập ngày 09 tháng 10 năm 2010;

Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ – Công an tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy với nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy đã được lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng CS PCCC & CNCH.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Lê Anh Việt

Bình dương : Ngày 02 tháng 02 năm 1999

KÍNH GỬI : - SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG.
- CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐẠI VIỆT.

Theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình trạm chế biến thức ăn cho heo thuộc Công ty TNHH Nông sản Đại Việt, Xây dựng tại Xã Lai Uyên - Huyện Bến Cát - Bình dương.

Phòng Cảnh sát PCCC Công an Bình dương đã thẩm định thiết kế và thiết bị PCCC, qua thẩm định chúng tôi có ý kiến như sau :

- 1) Nhất trí theo các giải pháp thiết kế đã thực hiện.
- 2) Về trang bị phương tiện PCCC yêu cầu :
 - Máy bơm cung cấp nước chữa cháy phải là máy bơm chữa cháy chuyên dùng .
 - Bố trí thêm 04 bình bột ANSULL chữa cháy loại 35 kg và 02 xô nội quy PCCC.

Phòng Cảnh sát PCCC kính gửi Sở Xây dựng biết để xem xét cấp phép xây dựng theo quy định và Công ty TNHH Đại Việt biết để thực hiện.

NƠI NHẬN
- NHƯ TRÊN.
- LƯU : CS.PCCC.

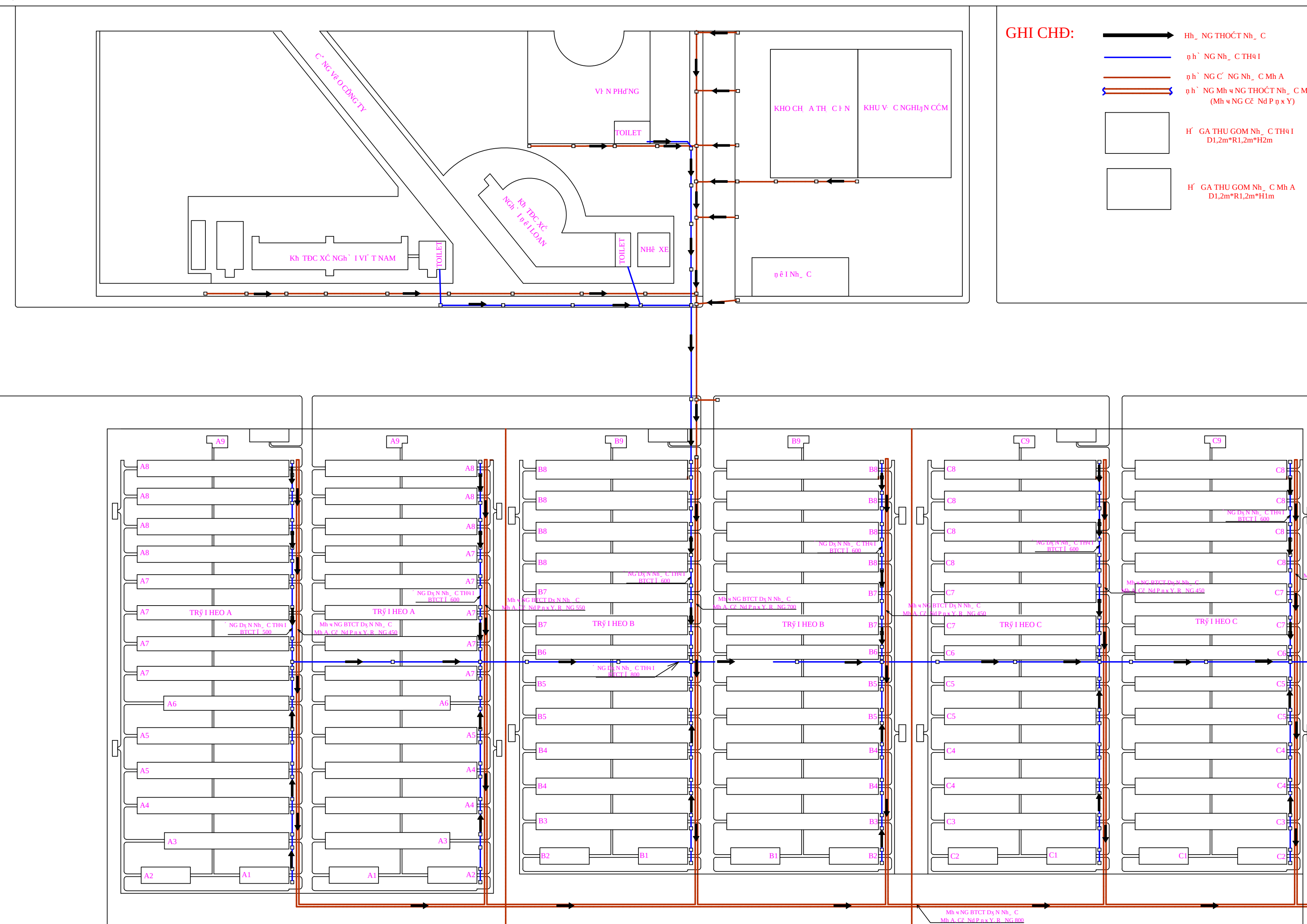
TL / GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS.PCCC.



TRƯỞNG TÁ: Lê Anh Kiệt

CÔNG TY TNHH NĂNG SỬ DỤNG VIỆT
Xã LAI HANG, HUYỆN BẾN CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH
BỘNH VIÊN NG THU GOM NH C THƯỜNG NH C Mh A

Hàng ngang 1 QU 13 Hàng ngang 1 KCN Bể U Bể NG



GHI CHÚ:

- Hàng ngang thoát nước
- Đường ống nước cấp
- Đường ống gas
- Đường ống điện
- Đường ống nước cấp (Mh và Ng Cđ Nđ P x Y)
- Hố ga thu gom nước thải D1,2m x R1,2m x H2m
- Hố ga thu gom nước cấp D1,2m x R1,2m x H1m

TRƯỜNG
NG C THƯỜNG

1:500

Nh₂ C TH₂ I
CH₂ N NUỖI

Nh₂ C TH₂ I
SAU Bq T₂ HOỖI I

Mh₂ NG D₂ N
Nh₂ C TH₂ I

MỚY TỚCH PHẠN

H₂ CH₂ A Nh₂ C
SAU TỚCH PHẠN

H₂ ° N₂ NH

HỖI M BIOGAS

Bq SINH H₂ C
K₂ T H₂ P Ld NG

NH₂ CH₂ A
PHẠN HEO

MỚY TH₂ I KH₂

Bq X₂ Lh
HI₂ U KH₂

Bq Ld NG
LY TẠM

Bq
CH₂ A B₂ N

H₂ SINH H₂ C
T₂ NH₂ q N

Bq M DD
CHLORINE

NGƯ₂ N TI₂ P NH₂ x N
(SU₂FI B₂FN V₂C₂N)

GHI CH₂Đ:

- _____ ậ h₂ ` NG Nh₂ C
- _____ ậ h₂ ` NG KH₂
- _____ ậ h₂ ` NG H₂ Ặ A CH₂ T
- _____ ậ h₂ ` NG B₂ N
- _____ Bq M

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT
Xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương



NGUYEN YU CHENG

CỔNG TRỒNH:

H₂ TH₂ NG X₂ Lh Nh₂ C TH₂ I T₂ P TRUNG
CỔNG SƯ₂ T 2.000 M₂/NG₂ Y₂ q M

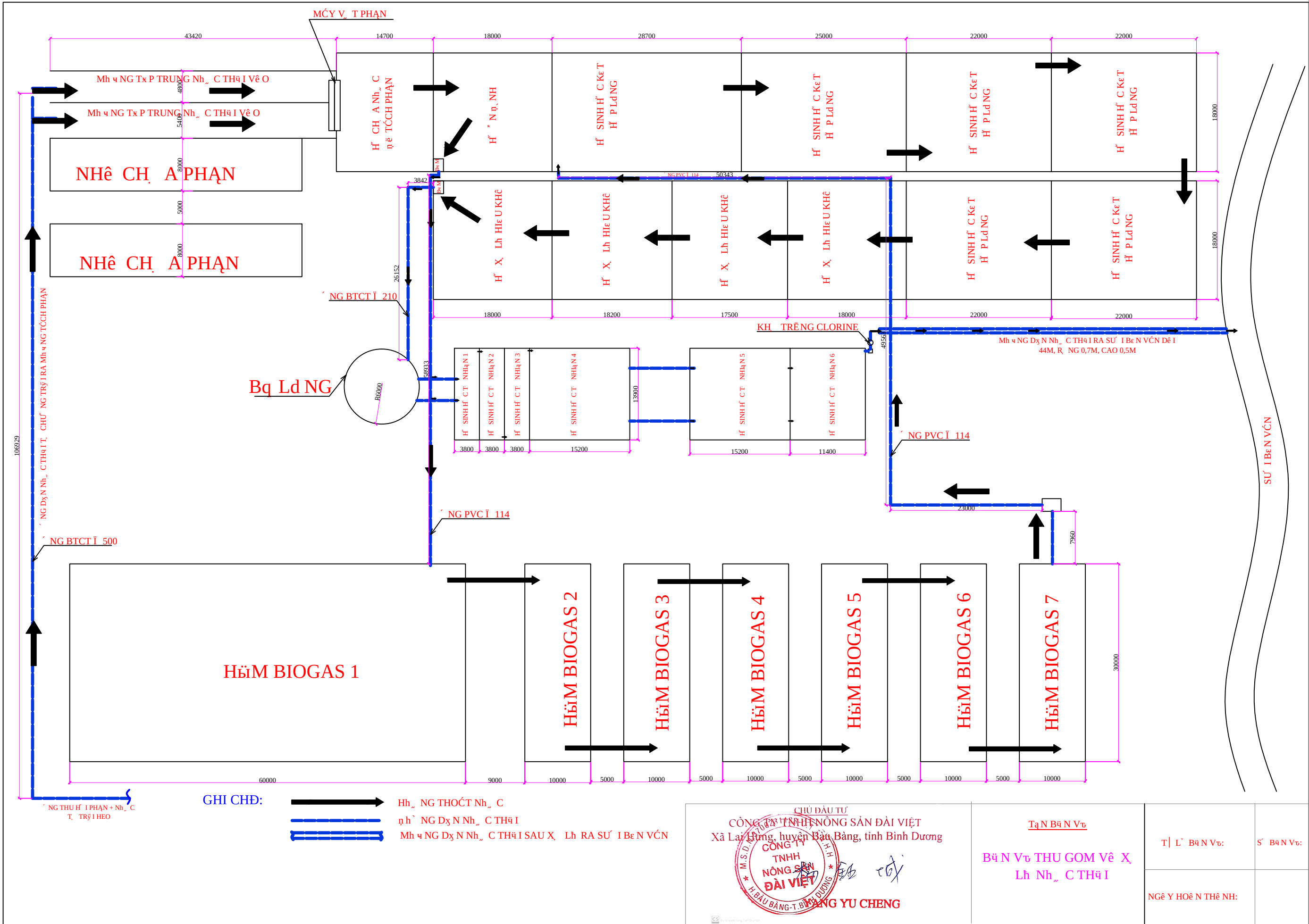
T₂q N B₂q N V₂q:

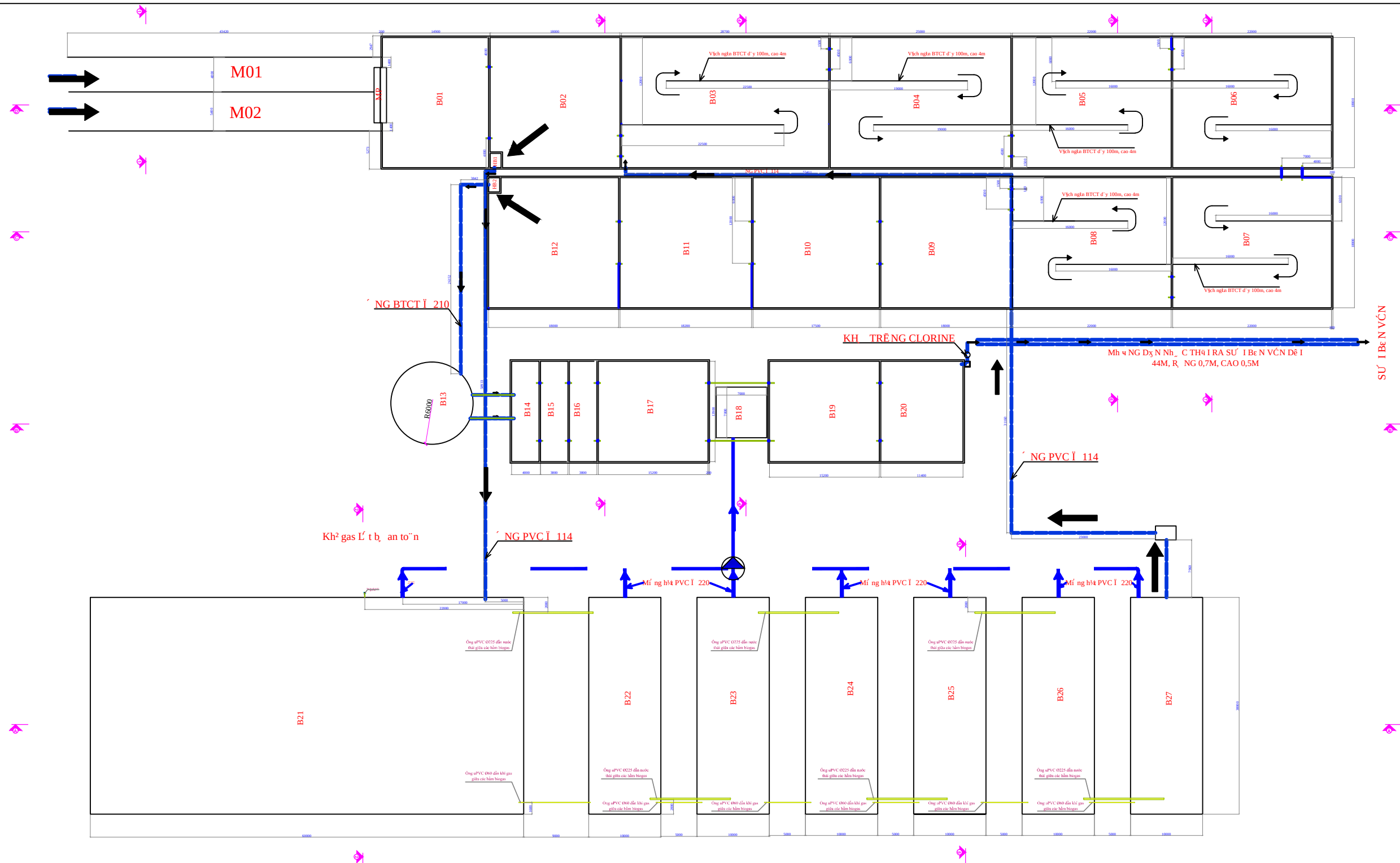
QUY TRỒNH H₂ TH₂ NG X₂ Lh
Nh₂ C TH₂ I T₂ P TRUNG

T₂ L₂ B₂q N V₂q:

S₂ B₂q N V₂q:

NG₂ Y HO₂ N TH₂ NH:





GHI CHÚ:



hệ thống cống chính
hệ thống cống khí Clorine

HB1 :Hệ thống GOM Bể M Nhúng C THQ I S' 1
HB2 :Hệ thống GOM Bể M Nhúng C THQ I S' 2
M01 :Hệ thống NG Dị N Nhúng C THQ I Vê O S' 1
M02 :Hệ thống NG Dị N Nhúng C THQ I Vê O S' 2
MP :MÁY VẬT PHẢN HEO

B01 :Bể CH A NH₃ C ở ề V₂ T PHẢN
B02 :Bể ử N₂ NH₃ C THQ I
B03 :Hệ thống SINH H' C K₂ T H P L₂ NG S' 1
B04 :Hệ thống SINH H' C K₂ T H P L₂ NG S' 2
B05 :Hệ thống SINH H' C K₂ T H P L₂ NG S' 3
B06 :Hệ thống SINH H' C K₂ T H P L₂ NG S' 4
B07 :Hệ thống SINH H' C K₂ T H P L₂ NG S' 5
B08 :Hệ thống SINH H' C K₂ T H P L₂ NG S' 6

B09 :Hệ thống SINH H' C H₂ U KH₂ S' 1
B10 :Hệ thống SINH H' C H₂ U KH₂ S' 2
B11 :Hệ thống SINH H' C H₂ U KH₂ S' 3
B12 :Hệ thống SINH H' C H₂ U KH₂ S' 4
B13 :Bể L₂ NG VI SINH
B14 :Hệ thống SINH H' C T₂ NH₄ N S' 1 (TH₄ RAU MU' NG)
B15 :Hệ thống SINH H' C T₂ NH₄ N S' 2 (TH₄ RAU MU' NG)
B16 :Hệ thống SINH H' C T₂ NH₄ N S' 3 (TH₄ RAU MU' NG)
B17 :Hệ thống SINH H' C T₂ NH₄ N S' 4 (TH₄ RAU MU' NG)

B18 :Bể CH A BÊN
B19 :Hệ thống SINH H' C T₂ NH₄ N S' 5 (TH₄ RAU MU' NG)
B20 :Hệ thống SINH H' C T₂ NH₄ N S' 6 (TH₄ RAU MU' NG)
B21 :Hệ thống BIOM BIOGAS S' 1
B22 :Hệ thống BIOM BIOGAS S' 2
B23 :Hệ thống BIOM BIOGAS S' 3
B24 :Hệ thống BIOM BIOGAS S' 4
B25 :Hệ thống BIOM BIOGAS S' 5
B26 :Hệ thống BIOM BIOGAS S' 6
B27 :Hệ thống BIOM BIOGAS S' 7

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT
Xã Lai Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương



CÔNG TRÌNH

Hệ thống NG X₂ L₂ Nh₂ C THQ I T₂ P TRUNG
CÔNG SUẤT T 2.000 M³/NG² Y₂ q₂ M

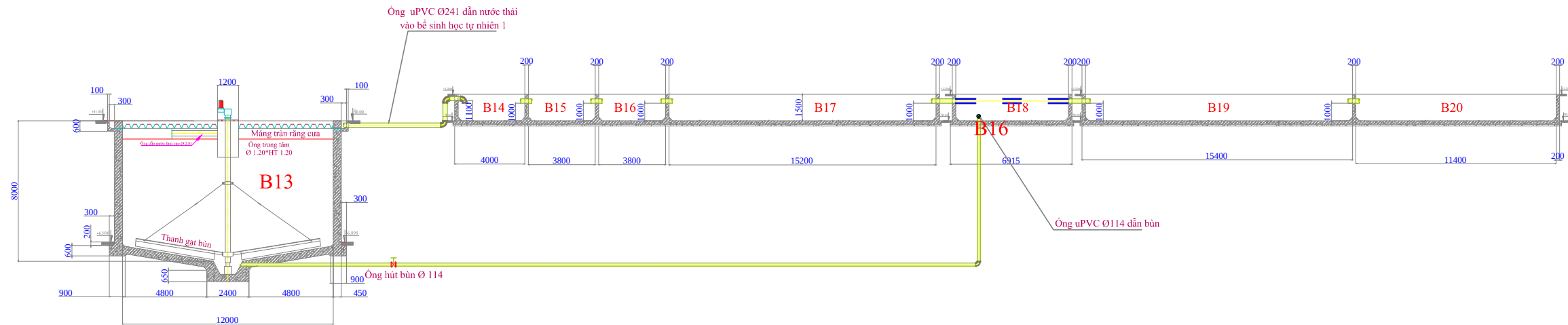
T₂ N B₂ N V₂

M₂ T B₂ D₂ NG T₂ NG TH₂ C₂ C M₂ T C₂ T

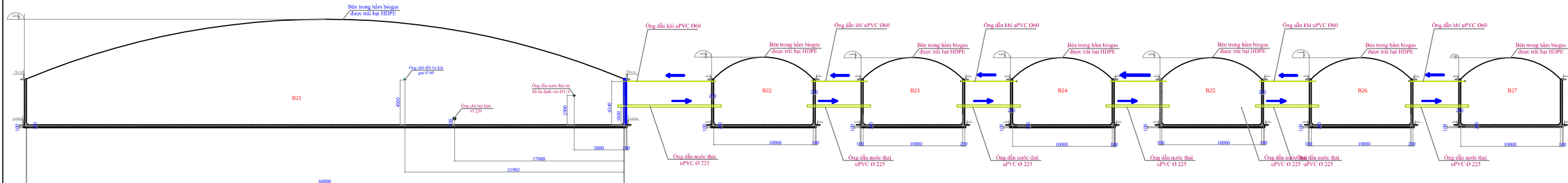
T₂ L₂ B₂ N V₂

NG₂ Y₂ HO₂ N TH₂ NH₂

S₂ B₂ N V₂



CHI TIẾT MẶT CẮT B - B



CHI TIẾT MẶT CẮT A - A

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT
Xã Lai Hùng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

NGUYỄN YU CHENG

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP THỦY P. TRUNG
CỔNG SỬ T. 2.000 M³/NGÀY. Ạ. Ạ. M

TÀ N BÀN VẼ:

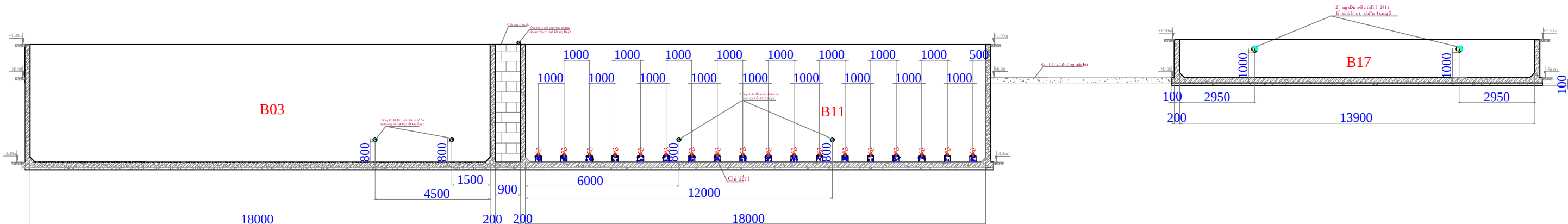
MẶT CẮT A - A
MẶT CẮT B - B

T. L. BÀN VẼ:

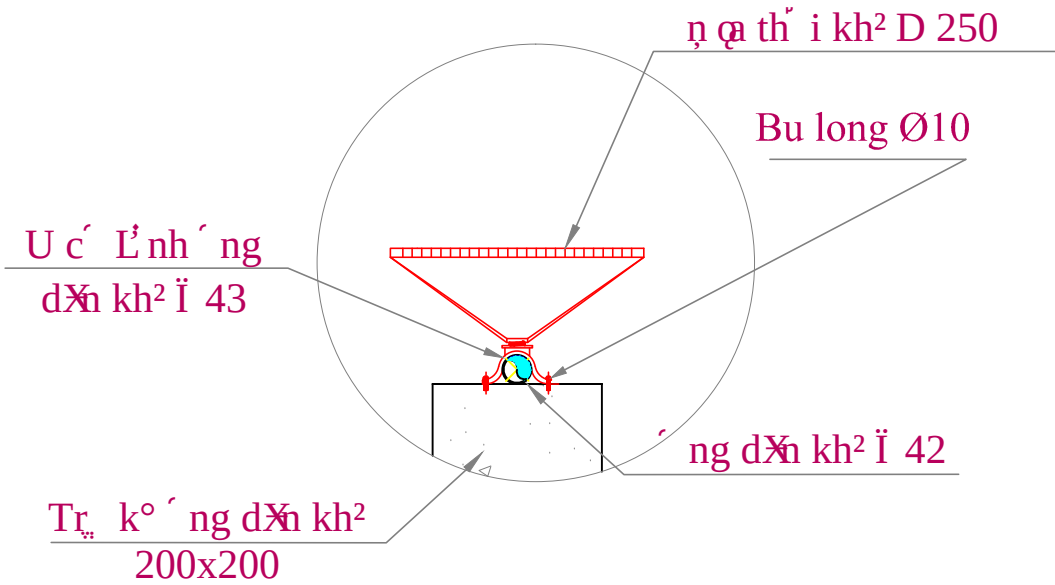
NGÀY HOÀN THIỆN NH:

S. BÀN VẼ:





CHI TIẾT MẶT CẮT 3 - 3



CHI TIẾT 1

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT
Xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT
H. BÀU BÀNG - T. BÌNH DƯƠNG
VANG YU CHENG

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP THỦY CÔNG TRUNG
CỔNG SUY T 2.000 M³/NGÀY Y. Ạ M

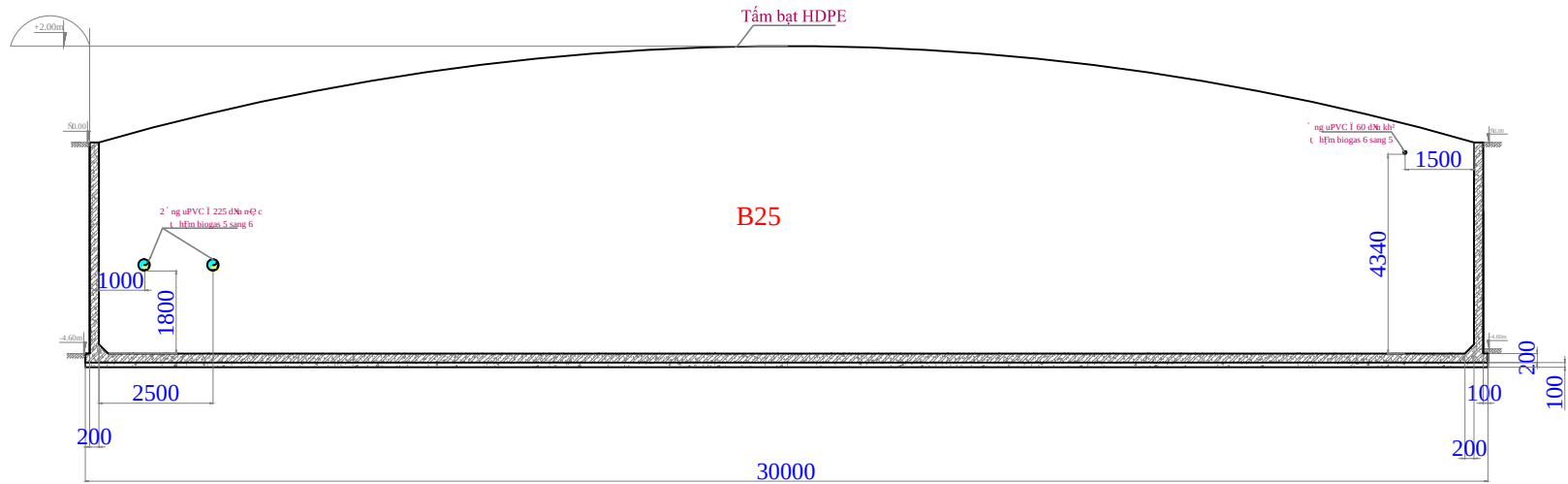
Tên Bản Vẽ:

MẶT CẮT 3 - 3

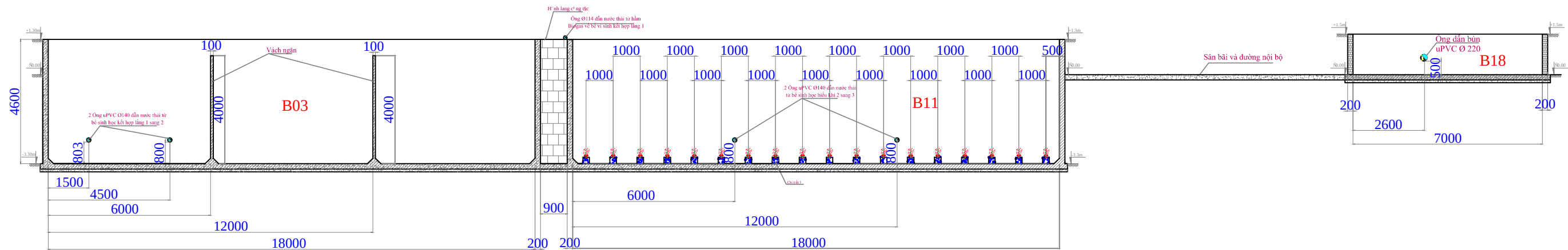
Tên Bản Vẽ:

Số Bản Vẽ:

NGƯỜI HOÀN THIỆN:



CHI TIẾT MẶT CẮT 5 - 5



CHI TIẾT MẶT CẮT 4 - 4

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT
Xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐÀI VIỆT
H. BÀU BÀNG - T. BÌNH DƯƠNG
VANG YU CHENG

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP THỰC PHẨM TRUNG
CẤP SUỐT 2.000 M³/NGÀY VÀ 4 M

Tên Bản Vẽ:

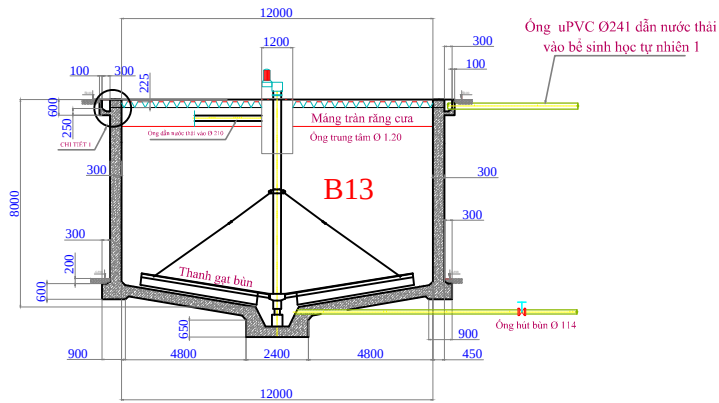
MẶT CẮT 4 - 4

MẶT CẮT 5 - 5

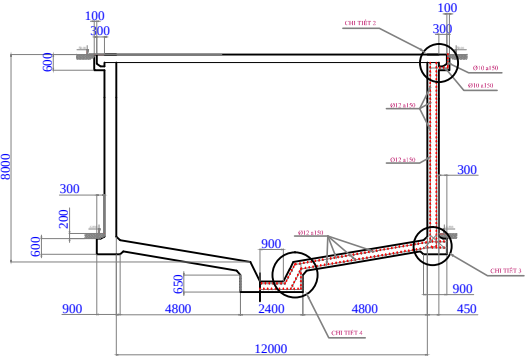
Tên Bản Vẽ:

Số Bản Vẽ:

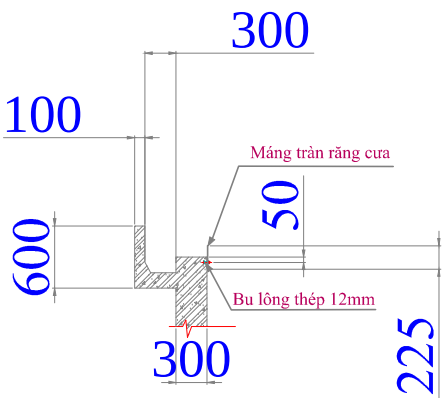
NGƯỜI HOÀN THÀNH:



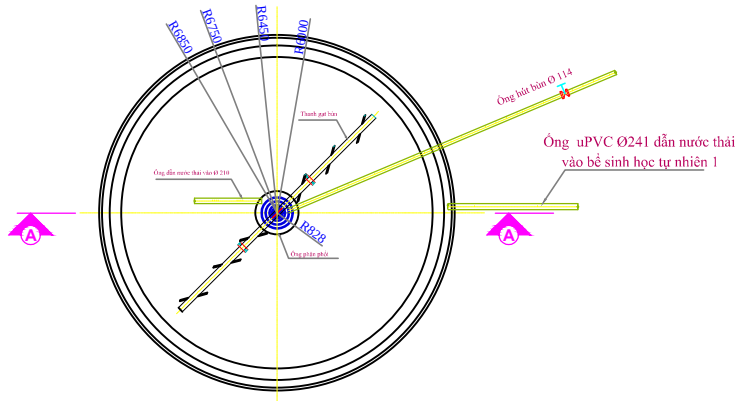
CHI TIẾT MẶT CẮT A - A



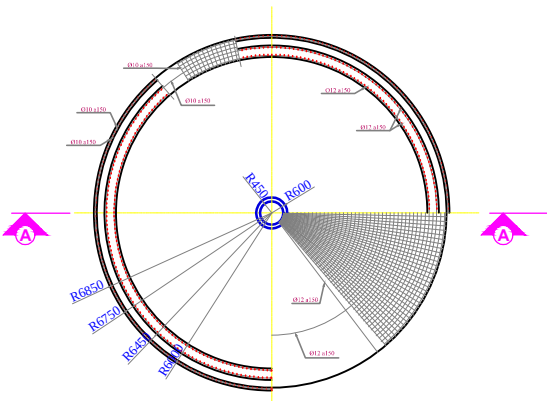
MẶT CẮT A - A (B' - TRÊN THẺ P)



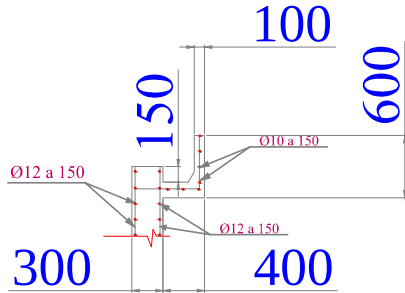
CHI TIẾT 1



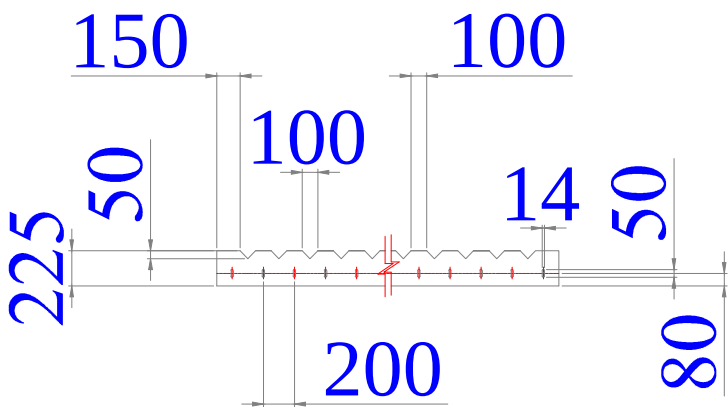
MẶT BÊN



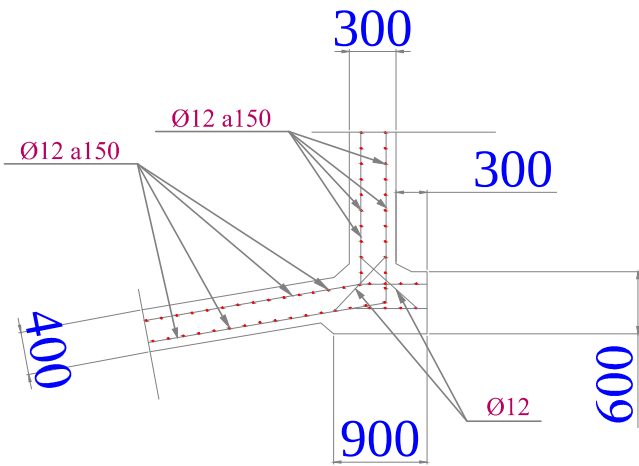
MẶT BÊN B' - TRÊN THẺ P



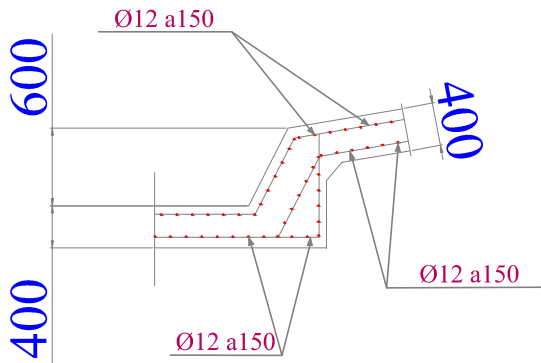
CHI TIẾT 2



MẶT CẮT NG CẮT A



CHI TIẾT 3



CHI TIẾT 4

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ĐẠI VIỆT
Xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
CÔNG TY
TNHH
NÔNG SẢN
ĐẠI VIỆT
H. BÀU BÀNG - T. BÌNH DƯƠNG
K. YU CHENG

CÔNG TRÌNH:

H' TH' NG X' Lh Nh' C TH' I Tx P TRUNG
CỔNG SƯ T 2.000 M/NG Y. n q M

Ta N Bq N Vt:

Cq U Tỷ O Bq Ld NG VI SINH

T| L' Bq N Vt:

S' Bq N Vt:

NGê Y HOê N THê NH: